



BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

RESEARCH BULLETIN

SỐ 2 - THÁNG 2/2019 - VOLUME: – FEBRUARY, 2019

LƯU HÀNH NỘI BỘ

® Bản tin này được tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ hàng tháng liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế WB, ADB, IMF, BIS và thông tin kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành của NHNN, các Bộ, ngành TW của Việt Nam, các thông tin Hội thảo của các Viện nghiên cứu, trường đại học, ấn phẩm khoa học của các NXB có uy tín tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin khoa học chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện CLNH. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin nội bộ như là thông tin tham khảo.

CHỊU TRÁCH NHIỆM
XUẤT BẢN

VIỆN CHIẾN LƯỢC
NGÂN HÀNG

Bản tin phát hành định kỳ hàng tháng, được gửi trực tiếp qua email và đăng tải trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng:
khoahocnganhang.org.vn

Liên hệ

Email:
research.bsi@sbv.gov.vn

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM

Địa chỉ:

Tầng 9, tòa nhà 504 Xã Đàn,
quận Đống Đa,
Tp. Hà Nội.



THÔNG TIN KHOA HỌC QUỐC TẾ			
NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ			
Lợi nhuận ngân hàng và Ổn định tài chính	Yêu cầu về vốn của Basel, lãi suất cho vay và tăng trưởng kinh tế tổng hợp: Một nghiên cứu thực nghiệm ở Việt Nam.	Tính kinh tế của “proof-of-work - chứng minh công việc” trong tiền kỹ thuật số	Tiến hành thận trọng - một cuộc khảo sát về tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương
Tác giả phân tích tác động của lợi nhuận ngân hàng lên ổn định tài chính từ cả khía cạnh lý thuyết và thực nghiệm. Chi tiết	Là trung gian tài chính quan trọng nhất, các ngân hàng có tiếng nói chính đối với sự phát triển kinh tế của một quốc gia. Chi tiết	Bài viết này thảo luận về tính kinh tế về cách thức mà Bitcoin đạt được tính bất biến của dữ liệu và theo đó là việc thanh toán dứt điểm, thông qua các thuật toán tốn kém, như “proof of work”. Chi tiết	Những lợi ích và rủi ro giả định của các loại tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương đang được thảo luận rộng rãi. Chi tiết
Truyền dẫn lãi suất: Phân tích tổng hợp các nghiên cứu	Quản lý tài chính liệu có thể giúp thúc đẩy tài chính toàn diện?	Nền kinh tế tại Trung Quốc: Cơ hội và Rủi ro	Tại sao Tài chính xanh lại quan trọng?
Truyền dẫn lãi suất mô tả cách thức những thay đổi trong lãi suất tham chiếu (chính sách tiền tệ, thị trường tiền tệ hoặc tỷ giá tín phiếu) truyền dẫn sang lãi suất cho vay của ngân hàng. Bài viết này xem xét các nghiên cứu thực nghiệm về truyền dẫn lãi suất và hệ thống hóa các nghiên cứu này bằng phương pháp phân tích tổng hợp và hồi quy meta. Chi tiết	Mặc dù có các cam kết của cộng đồng phát triển về việc mở rộng khả năng tiếp cận tài chính, tỷ lệ tài chính toàn diện trên toàn thế giới vẫn chưa làm thỏa mãn các nhà hoạch định chính sách. Chi tiết	Mặc dù tốc độ số hóa bình quân của nền kinh tế vẫn còn thấp hơn so với các nền kinh tế phát triển, mức độ số hóa tại Trung Quốc đã cao ở nhiều vùng và lĩnh vực, đặc biệt là trong thương mại điện tử và công nghệ tài chính, và ở vùng duyên hải. Chi tiết	Thế giới cần mở rộng năng lượng xanh để cung cấp an ninh năng lượng và đáp ứng các mục tiêu về khí hậu và không khí sạch. Chi tiết

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ CHUYÊN SÂU
KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ ĐỐI VỚI PAYPAL AUSTRALIA

Điều tra ngành tài chính năm 2014 (FSI) – Báo cáo cuối cùng đưa ra một số khuyến nghị để cải cách hệ thống thanh toán Úc. Trên nền tảng hệ thống thanh toán phát triển nhanh chóng đang có những bước đột phá bởi các công nghệ mới, nghiên cứu này nhằm mục tiêu hỗ trợ Chính phủ Úc hiểu rõ hơn về vai trò của PayPal Australia khi cân nhắc cải cách chính sách.

PayPal là một nhà cung cấp ví kỹ thuật số dẫn đầu trên thế giới cho phép người mua và người bán gửi và nhận thanh toán trực tuyến, bằng thiết bị di động hoặc tại cửa hàng (ở một số quốc gia). PayPal Australia hỗ trợ việc chuyển tiền từ thẻ tín dụng hoặc ghi nợ, tài khoản ngân hàng và/hoặc số dư trên PayPal của khách hàng vào tài khoản của người sử dụng PayPal khác. PayPal cũng lưu trữ giá trị trong số dư tài khoản đại diện cho một số người sử dụng của nó nhằm mục đích thanh toán. PayPal tập trung chủ yếu vào hỗ trợ thanh toán giá trị thấp, và vẫn còn là một đơn vị tương đối nhỏ trong hệ sinh thái thanh toán Úc. [Chi tiết](#)

NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

THÔNG TIN ĐỀ TÀI TRONG NƯỚC

MÃ SỐ	TÊN ĐỀ TÀI	CHỦ NHIỆM
DANH.004/17	Quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử. (Chi tiết)	ThS.Nguyễn Quang Hưng, Phó Cục trưởng, Cục Công nghệ thông tin, NHNN

HỘI THẢO KHOA HỌC	ẤN PHẨM KHOA HỌC
HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NGÀNH NGÂN HÀNG NĂM 2019. (Chi tiết)	CHÂU Á CHUYỂN MÌNH. (Chi tiết)
	QUẢN LÝ HIỆU QUẢ TÀI SẢN CÔNG. (Chi tiết)

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ**1. Lợi nhuận ngân hàng và Ổn định tài chính (Bank Profitability and Financial Stability).***Nguồn: IMF**Tác giả: TengTeng Xu; Kun Hu & Udaibir S Das**Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu hoạt động của các định chế tài chính**Ngày xuất bản: 11/01/2019*

Tác giả phân tích tác động của lợi nhuận ngân hàng lên ổn định tài chính từ cả khía cạnh lý thuyết và thực nghiệm. Tác giả trước hết phát triển mô hình lý thuyết về mối quan hệ giữa lợi nhuận ngân hàng và ổn định tài chính thông qua tìm hiểu vai trò của thu nhập phi lãi suất các mô hình kinh doanh định hướng bán lẻ. Nhóm tác giả sau đó thực hiện phân tích hồi quy dữ liệu bảng để kiểm tra các nhân tố thực nghiệm quyết định lợi nhuận và rủi ro ngân hàng, và cách thức mà mức độ và nguồn lợi nhuận ngân hàng tác động tới rủi ro đối với 431 ngân hàng niêm yết rộng rãi (Mỹ, các nước châu Âu phát triển và GSIBs) từ năm 2004 đến 2017. Các kết quả cho thấy rằng lợi nhuận có quan hệ ngược chiều với cả mức đóng góp của ngân hàng đối với rủi ro hệ thống và rủi ro riêng của nó, và việc quá phụ thuộc vào thu nhập phi lãi suất, tài trợ bán buôn và đòn bẩy liên quan tới rủi ro cao hơn. Cạnh tranh thấp liên tới rủi ro riêng lẻ thấp nhưng lại góp phần cao hơn vào rủi ro hệ thống. Cuối cùng, tỷ lệ khoản vay có vấn đề và tỷ lệ chi phí trên thu nhập được nhận thấy là các nhân tố chủ chốt ảnh hưởng tới lợi nhuận ngân hàng. Các kết quả nghiên cứu gợi ý rằng các nhà hoạch định chính sách nên nỗ lực để hiểu tốt hơn về nguồn lợi nhuận ngân hàng, đặc biệt là khi có sự phụ thuộc quá mức vào các thu nhập phi lãi suất dựa vào thị trường, đòn bẩy và tài trợ bán buôn.

[Tải về toàn văn tại đây](#)[Trở lại trang đầu](#)**2. Yêu cầu về vốn của Basel, lãi suất cho vay và tăng trưởng kinh tế tổng hợp: Một nghiên cứu thực nghiệm ở Việt Nam (The Basel Capital Requirement, Lending Interest Rate, and Aggregate Economic Growth: An Empirical Study of Viet Nam).***Nguồn: ADB**Tác giả: Minh Phi Nguyen Thi; Hong Hoang Hanh Thi; Taghizadeh-Hesary Farhad & Yoshino Naoyuki**Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu hoạt động của các định chế tài chính**Ngày xuất bản: 18/01/2019*

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đã có dấu hiệu khó khăn về tài chính, và đặc biệt là các ngân hàng nhỏ đã gặp phải vấn đề thanh khoản và khả năng thanh toán nghiêm trọng. Dựa trên chính sách mới của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, để đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn và hiệu quả, Hiệp định Basel II sẽ được áp dụng rộng rãi cho toàn hệ thống ngân hàng vào năm 2018. Bài viết này nghiên cứu các tác động của việc thực hiện yêu cầu vốn của Basel II tại Việt Nam về lãi suất cho vay

của ngân hàng và sản lượng quốc gia. Bài viết cung cấp khung lý thuyết cũng như mô hình thực nghiệm bằng cách phát triển Mô hình sửa lỗi véc tơ (VECM) trong giai đoạn 2018 đến 2016 bằng cách sử dụng ba nhóm chỉ số (kinh tế vĩ mô, ngân hàng và tiền tệ). Phát hiện chính của bài báo là ở cấp ngân hàng, việc thắt chặt các yêu cầu về vốn pháp định không gây ra lãi suất cho vay cao hơn trong dài hạn. Ngoài ra, những thay đổi trong yêu cầu vốn thận trọng vi mô đối với các ngân hàng có sức lan tỏa đáng kể về mặt thống kê đối với tốc độ tăng trưởng GDP trong ngắn hạn; Tuy nhiên, tác dụng của chúng giảm đáng kể trong một thời gian dài.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

3. Tính kinh tế của “proof-of-work - chứng minh công việc” trong tiền kỹ thuật số (Beyond the doomsday economics of "proof-of-work" in cryptocurrencies).

Nguồn: BIS

Tác giả: Raphael Auer

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 21/01/2019

Bài viết này thảo luận về tính kinh tế về cách thức mà Bitcoin đạt được tính bất biến của dữ liệu và theo đó là việc thanh toán dứt điểm, thông qua các thuật toán tốn kém, như “proof of work”. Hơn nữa, nó khám phá những gì tương lai có thể đạt được cho tiền kỹ thuật số được mô hình hóa trên loại thuật toán đồng thuận này. Các kết luận thu được là, thứ nhất, việc làm giả Bitcoin thông qua các cuộc tấn công "chi tiêu kép" vốn đã mang lại lợi nhuận, khiến cho việc thanh toán dứt điểm dựa trên “proof of work” trở nên vô cùng tốn kém. Thứ hai, thị trường giao dịch không thể tạo ra mức thu nhập "khai thác - mining" thích hợp thông qua phí khi người dùng tự do hưởng lợi trên các mức phí cho các giao dịch khác trong một khối và trong chuỗi khối tiếp theo. Thay vào đó, bitcoin mới được đúc, được gọi là phần thưởng khối, đã chiếm phần lớn thu nhập khai thác cho đến nay. Nhìn về phía trước, hai hạn chế này ngụ ý rằng thanh khoản được thiết lập để giảm đáng kể khi các phần thưởng khối này bị loại bỏ. Các tính toán đơn giản cho thấy rằng một khi phần thưởng khối bằng 0, có thể mất vài tháng để một thanh toán Bitcoin được hoàn tất, trừ khi các công nghệ mới được triển khai để tăng tốc độ thanh toán. Các giải pháp lớp thứ hai như Mạng Lightning có thể giúp ích, nhưng biện pháp khắc phục cơ bản duy nhất là tách khỏi thuật toán “proof – of – work”. Điều này có lẽ sẽ cần một số hình thức phối hợp xã hội hoặc thể chế hóa.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

4. Tiến hành thận trọng - một cuộc khảo sát về tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (Proceeding with caution - a survey on central bank digital currency).

Nguồn: BIS

Tác giả: Christian Barontini & Henry Holden

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 08/01/2019

Những lợi ích và rủi ro giả định của các loại tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương đang được thảo luận rộng rãi. Bài viết BIS này bổ sung vào các cuộc thảo luận này bằng cách xem xét tiến độ và kế hoạch trong lĩnh vực này đang phát triển như thế nào, dựa trên khảo sát toàn cầu về các ngân hàng trung ương. Các phản hồi cho thấy các ngân hàng trung ương đang tiến hành thận trọng và hầu hết chỉ ở giai đoạn khái niệm với công việc của họ. Tuy nhiên, một số ít đã chuyển sang xem xét các vấn đề thực tế và một vài ngân hàng trung ương có bối cảnh riêng có thể phát hành một loại tiền kỹ thuật số trong ngắn hạn hoặc trung hạn.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

5. Truyền dẫn lãi suất: Phân tích tổng hợp các nghiên cứu (Interest Rate Pass-Through: A Meta-Analysis of the Literature Abstract).

Nguồn: WB

Tác giả: Gregora, Jiri; Melecky Ales & Melecky Martin

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 18/01/2019

Truyền dẫn lãi suất mô tả cách thức những thay đổi trong lãi suất tham chiếu (chính sách tiền tệ, thị trường tiền tệ hoặc tỷ giá tín phiếu) truyền dẫn sang lãi suất cho vay của ngân hàng. Bài viết này xem xét các nghiên cứu thực nghiệm về truyền dẫn lãi suất và hệ thống hóa các nghiên cứu này bằng phương pháp phân tích tổng hợp và hồi quy meta. Nghiên cứu nhận thấy các hệ số tương quan truyền dẫn được ước tính thấp hơn một cách có hệ thống trong các nghiên cứu tập trung vào việc truyền dẫn đến các lãi suất cho vay dài hạn, lãi suất cho vay tiêu dùng và lãi suất cho vay bình quân. Truyền dẫn lãi suất bị ảnh hưởng đáng kể bởi các yếu tố tài chính vĩ mô và các yếu tố thể chế. Truyền dẫn ước tính có xu hướng mạnh hơn đối với các nền kinh tế thị trường có thị trường vốn sâu hơn (được đo lường bằng vốn hóa thị trường). Điều thú vị là, mức độ độc lập của ngân hàng trung ương đã tăng lên từ các mức thấp hơn có thể làm giảm truyền dẫn lãi suất, trong khi mức độ độc lập của ngân hàng trung ương tăng lên từ các mức cao sẵn có lại có thể đẩy mạnh truyền dẫn.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

6. Quản lý tài chính liệu có thể giúp thúc đẩy tài chính toàn diện (Can Regulation Promote Financial Inclusion)?

Nguồn: WB

Tác giả: Chen Rong – DECID & Divanbeigi Raian

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 18/01/2019

Mặc dù có các cam kết của cộng đồng phát triển về việc mở rộng khả năng tiếp cận tài chính, tỷ lệ tài chính toàn diện trên toàn thế giới vẫn chưa làm thỏa mãn các nhà hoạch định chính sách. Đến nay, khoảng 2 tỉ người trưởng thành không có quyền truy

cập vào các dịch vụ tài chính cơ bản như tiết kiệm và kiểm tra tài khoản. Trong một nỗ lực cố gắng thu hẹp các khoảng cách giữa mục tiêu chính sách và kết quả thực tế, một số nhà kinh tế học đã thăm dò các yếu tố quyết định tài chính toàn diện. Nghiên cứu này đóng góp cho cuộc tranh luận đó bằng cách điều tra vai trò của quản lý tài chính. Đầu tiên, bài viết đề xuất một chỉ số chung về chất lượng quản lý của tài chính toàn diện, nhấn mạnh vào vai trò của các mô hình phân phối phi truyền thống, ví dụ, ngân hàng phi chi nhánh và các tác nhân, ví dụ như các tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Thứ hai, bài viết kiểm tra mối quan hệ giữa chất lượng quản lý và kết quả của tài chính toàn diện. Phân tích chỉ ra rằng tại các quốc gia mà chất lượng quản lý nằm trong nhóm 4 nước đứng đầu, các cá nhân có nhiều hơn 12,4% khả năng có một tài khoản tại một tổ chức tài chính so với nhóm 4 nước xếp cuối cùng.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

7. Nền kinh tế tại Trung Quốc: Cơ hội và Rủi ro (China's Digital Economy: Opportunities and Risks).

Nguồn: IMF

Tác giả: Longmei Zhang & Sally Chen

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 17/01/2019

Nền kinh tế của Trung Quốc đã mở rộng nhanh chóng trong những năm gần đây. Mặc dù tốc độ số hóa bình quân của nền kinh tế vẫn còn thấp hơn so với các nền kinh tế phát triển, mức độ số hóa tại Trung Quốc đã cao ở nhiều vùng và lĩnh vực, đặc biệt là trong thương mại điện tử và công nghệ tài chính, và ở vùng duyên hải. Sự chuyển đổi như vậy đã thúc đẩy tăng trưởng năng suất, với các tác động đa dạng lên lao động trên khắp các lĩnh vực. Trong tương lai, số hóa sẽ tiếp tục tái định hình nền kinh tế Trung Quốc thông qua cải thiện hiệu quả, giảm nhẹ nhưng không đảo ngược xu hướng suy giảm tăng trưởng tiềm năng khi nền kinh tế phát triển. Chính phủ nên đóng vai trò thiết yếu trong việc tối đa hóa lợi ích của số hóa trong khi tối thiểu hóa các rủi ro liên quan, như gián đoạn lao động, xâm phạm quyền riêng tư, gia tăng độc quyền, và rủi ro tài chính.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

8. Tại sao Tài chính xanh lại quan trọng (Why Is Green Finance Important)?

Nguồn: ADB

Tác giả: Sachs Jeffrey D.; Thye Woo Wing; Yoshino Naoyuki & Taghizadeh-Hesary Farhad

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 22/01/2019

“Thế giới cần mở rộng năng lượng xanh để cung cấp an ninh năng lượng và đáp ứng các mục tiêu về khí hậu và không khí sạch.

Năm 2017, đầu tư toàn cầu vào năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng giảm 3% và có nguy cơ sẽ chậm hơn nữa; rõ ràng nhiên liệu hóa thạch vẫn chi phối đầu tư năng lượng. Điều này có thể đe dọa sự mở rộng năng lượng xanh cần thiết để cung cấp an ninh năng lượng và đáp ứng các mục tiêu khí hậu và không khí sạch. Một số nền kinh tế phát triển và đang phát triển vẫn đang tuân theo các chính sách năng lượng ủng hộ than và lượng CO₂ tăng thêm được tạo ra bởi các nhà máy nhiệt điện than mới có thể xóa sạch mọi sự giảm phát thải của các quốc gia khác. Tài chính là động lực phát triển của các dự án cơ sở hạ tầng, bao gồm các dự án năng lượng. Nhìn chung, các tổ chức tài chính thể hiện sự quan tâm nhiều hơn đến các dự án nhiên liệu hóa thạch so với các dự án xanh, chủ yếu là do vẫn còn một số rủi ro liên quan đến các công nghệ mới này và chúng mang lại tỷ lệ lợi nhuận thấp hơn. Nếu chúng ta muốn đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, chúng ta cần mở một hồ sơ mới cho các dự án xanh và tăng cường tài trợ cho các khoản đầu tư mang lại lợi ích môi trường, thông qua các công cụ tài chính mới và chính sách mới, như trái phiếu xanh, ngân hàng xanh, công cụ thị trường carbon, chính sách tài khóa, ngân hàng trung ương xanh, công nghệ tài chính, quỹ xanh dựa vào cộng đồng, v.v., được gọi chung là tài chính xanh”.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU

Khuôn khổ pháp lý đối với PayPal Australia

1. Tóm tắt

Điều tra ngành tài chính năm 2014 (FSI) – Báo cáo cuối cùng đưa ra một số khuyến nghị để cải cách hệ thống thanh toán Úc. Trên nền tảng hệ thống thanh toán phát triển nhanh chóng đang có những bước đột phá bởi các công nghệ mới, nghiên cứu này nhằm mục tiêu hỗ trợ Chính phủ Úc hiểu rõ hơn về vai trò của PayPal Australia khi cân nhắc cải cách chính sách.

PayPal là một nhà cung cấp ví kỹ thuật số dẫn đầu trên thế giới cho phép người mua và người bán gửi và nhận thanh toán trực tuyến, bằng thiết bị di động hoặc tại cửa hàng (ở một số quốc gia). PayPal Australia hỗ trợ việc chuyển tiền từ thẻ tín dụng hoặc ghi nợ, tài khoản ngân hàng và/hoặc số dư trên PayPal của khách hàng vào tài khoản của người sử dụng PayPal khác. PayPal cũng lưu trữ giá trị trong số dư tài khoản đại diện cho một số người sử dụng của nó nhằm mục đích thanh toán. PayPal tập trung chủ yếu vào hỗ trợ thanh toán giá trị thấp, và vẫn còn là một đơn vị tương đối nhỏ trong hệ sinh thái thanh toán Úc.

PayPal hoạt động trong một thị trường thanh toán 2 mặt và – đối với một số giao dịch giới hạn được tài trợ từ số dư tài khoản PayPal – nó hoạt động như một thỏa thuận 3 bên. Tuy nhiên, nó khác biệt cơ bản với các cơ chế thẻ 3 bên và 4 bên như Visa, MasterCard và American Express, do nó không áp dụng một cơ chế giống như cơ chế phí trao đổi (interchange fee) để cân bằng lợi ích giữa các bên tham gia.

PayPal Úc có Giấy phép Dịch vụ tài chính Úc (AFSL) từ Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc (ASIC) để cung ứng các sản phẩm thanh toán phi tiền mặt. Do PayPal cũng lưu trữ giá trị trên số dư tài khoản đại diện cho khách hàng nhằm mục đích thanh toán, nên nó được xem như là một Phương tiện thanh toán mua được (Purchased Payment Facility – PPF), và tuân theo quy định an toàn của Cơ quan quản lý an toàn Úc (APRA).

Báo cáo điều tra khu vực tài chính xác định một số nhà cung cấp dịch vụ thanh toán đang hoạt động trong các khu vực khác nhau. Việc phân chia và quản lý khác nhau giữa các loại hình nhà cung cấp dịch vụ thanh toán khác nhau là rất hữu ích. Chúng tôi phân định thành 3 nhóm sản phẩm thanh toán điện tử trong đó mỗi nhóm bao gồm các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán khác nhau về bản chất: (i) nhà cung cấp cơ chế thanh toán; (ii) nhà cung cấp ví kỹ thuật số; và (iii) các đơn vị giao dịch tiền kỹ thuật số. Ngoài các

quy định về hệ thống thanh toán, nhóm sản phẩm thứ tư bao gồm các đơn vị nắm giữ các giá trị lưu trữ sẽ tuân theo các quy định về an toàn.

- **Các đơn vị cung cấp cơ chế thanh toán** bao gồm Visa, MasterCard, American Express, BPAY, eftpos, và công trực tiếp. Cụ thể, các cơ chế thẻ 3 và 4 bên hoạt động phần lớn thông qua mối quan hệ gián tiếp giữa thương nhân và khách hàng và triển khai cơ chế phí trao đổi để cân bằng lợi ích giữa người mua, người bán, và giữa đơn vị phát hành và thanh toán thẻ, sẽ tiếp tục chịu tuân theo quy định về hệ thống thanh toán của Ngân hàng Dự trữ Úc (RBA).
- **Các ví kỹ thuật số**, như PayPal, cho phép khách hàng lưu trữ điện tử thông tin cá nhân và các chi tiết tài chính để thực hiện các giao dịch thương mại. Với sự mở rộng gần đây về số lượng các ví kỹ thuật số từ nhiều bên (như Visa, MasterCard, American Express, Apple), việc quản lý các rủi ro liên quan là rất quan trọng, chẳng hạn như rủi ro gian lận có tiềm năng lớn hơn. Người tiêu dùng có thể được bảo vệ tốt hơn thông qua việc mở rộng Mã thanh toán điện tử ASIC để hỗ trợ các diễn biến mới này, và thông qua việc tuân thủ bắt buộc như FSI đã khuyến nghị.
- **Tiền kỹ thuật số** hiện tại không được quản lý và có thể không dễ quản lý. Tuy nhiên, các tổ chức cho phép khách hàng giao dịch bằng tiền kỹ thuật số và liên kết tiền kỹ thuật số với hệ sinh thái thanh toán truyền thống có thể, và nên, được quản lý phù hợp. Các động thái để quản lý tiền kỹ thuật số tại Úc không nên bao gồm các ví điện tử và các đơn vị cung ứng hệ thống thanh toán, đây là một loại hình sản phẩm thanh toán điện tử hoàn toàn khác.
- **Đơn vị nắm giữ giá trị**. Tách biệt về mặt khái niệm giữa chức năng thanh toán của các đơn vị cung ứng dịch vụ với chức năng nắm giữ giá trị cho phép hiểu rõ hơn về phạm vi quản lý giữa quản lý thanh toán và quản lý an toàn. Điều này giúp tạo ra sự minh bạch cho các đơn vị mới có tiềm năng tham gia thị trường. PayPal hiện nay đang chịu sự quản lý an toàn do nó là đơn vị nắm giữ giá trị, nhưng có thể hiểu rằng các đơn vị cung cấp ví điện tử khác mà không nắm giữ giá trị thì sẽ không phải tuân theo bất cứ quy định quản lý an toàn nào.

3 khuyến nghị từ Báo cáo điều tra khu vực tài chính – Bản cuối cùng có thể ảnh hưởng tới việc quản lý thanh toán điện tử (ePayments):

Khuyến nghị 16 (quản lý các khoản thanh toán vốn vay tăng dần (*graduated payments*) rõ ràng hơn). Một khuôn khổ thanh toán tăng dần tạo ra một cách tiếp cận hợp lý hơn – tương xứng giữa rủi ro với các khoản thanh toán bắt buộc – là một nguyên tắc tốt chắc chắn sẽ làm giảm thiểu rào cản gia nhập, nhờ đó cải thiện cạnh tranh, lựa chọn và tính hiệu quả. Khuôn khổ quản lý mạnh hơn đối với ví kỹ thuật số nắm giữ giá

trị (hiện tại là PPFs) là quan trọng để đảm bảo sự tin cậy và tính ổn định của hệ thống thanh toán liên tục. Khuôn khổ 2 lớp được đề xuất trong FSI có thể điều hòa các cân nhắc này. Ví điện tử nắm giữ giá trị sẽ tuân theo các mức độ quản lý khác nhau dựa theo mức độ quan trọng của nó. Một môi trường thanh toán đang phát triển nhanh chóng có nghĩa là việc kiểm định tính quan trọng cũng sẽ là một việc được đánh giá liên tục và có thay đổi. Các ngưỡng giới hạn dựa trên khối lượng hoặc nguồn vốn nên tính đến khả năng thiết kế các sản phẩm để trốn tránh các ngưỡng quản lý. Nếu một cơ chế thanh toán tăng dần chỉ quản lý người nắm giữ giá trị vượt quá một ngưỡng giá trị nhất định, thì các khuyến nghị của FSI nhằm thu hẹp cơ chế AFSL của ASIC thông qua một tiêu chí về mức độ quan trọng tương tự nên tính đến các rủi ro của các công cụ nhất định đang nằm ngoài phạm vi quản lý của cả 2 cơ chế.

Khuyến nghị 17 (phí trao đổi và phụ phí khách hàng). Các nhà hoạch định chính sách nên làm rõ các tiêu chí để xác định khuôn khổ pháp lý mà các nhà cung cấp dịch vụ ví kỹ thuật số và các đơn vị nắm giữ giá trị phải tuân theo trong số các quy định mà Báo cáo FSI đã khuyến nghị liên quan đến phí trao đổi.

Khuyến nghị 39 (trung lập về công nghệ). Tính trung lập về công nghệ giúp thúc đẩy cạnh tranh và sáng tạo. Nó nên được đưa vào quy trình phát triển đối với các quy định trong tương lai. Trung lập về công nghệ cho phép các sản phẩm mới, các cải tiến sáng tạo và công nghệ mới được thích ứng trong hệ thống thanh toán. Cơ chế quản lý nên nhận thức và tạo thuận lợi cho việc thay đổi công nghệ nhanh chóng.

Nhìn về tương lai khó có thể dự đoán điều gì sẽ xảy ra trong hoạt động thanh toán. Các nhà quản lý cần phải nhanh nhẹn và linh hoạt để phản ứng trước các thay đổi trong môi trường thanh toán. Thiết lập các nguyên tắc cho quản lý, thay vì đưa ra các hướng dẫn mô tả, sẽ giúp đạt được điều này.

2. Nền tảng

Báo cáo điều tra hệ thống tài chính năm 2014 đã vạch ra 44 khuyến nghị tới Chính phủ, một số trong đó liên quan tới hệ thống thanh toán của Úc. Báo cáo này kêu gọi cần phải tiến hành nghiên cứu, phân tích và sự tham gia của các bên liên quan nhiều hơn nữa trước khi đưa ra các chính sách chi tiết cuối cùng.

Do hệ thống thanh toán – và rộng hơn là hệ thống tài chính – đang phát triển nhanh chóng, ngành thanh toán có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách bắt kịp được các diễn biến phát triển mới để đưa ra được các quyết định chính sách và thiết lập khuôn khổ quản lý đúng đắn.

Mục đích của báo cáo này là hỗ trợ Chính phủ hiểu PayPal Úc là gì (chẳng hạn là một đơn vị cung cấp ví điện tử và là một tổ chức nhận tiền gửi được cấp quyền hạn chế (ADI)), không phải là gì (như một cơ chế thẻ như MasterCard hay American Express), và cách thức quản lý nó.

Báo cáo này bắt đầu bằng việc chỉ ra PayPal là gì, dịch vụ cốt lõi mà nó cung cấp, và cách thức nó được quản lý tại Úc.

Báo cáo sau đó đề xuất và xác định 4 nhóm sản phẩm thanh toán điện tử tại Úc – trong đó chỉ ra sự khác biệt giữa các nhóm. Mục tiêu là để tạo ra một cơ chế quản lý bình đẳng, hợp lý và có tính cạnh tranh. Báo cáo lưu ý rằng một hệ thống thanh toán không có cơ chế để cân bằng tối đa các yếu tố biến động giữa các thành viên của hệ thống, như phí trao đổi, không nên được quản lý theo cách thức như các cơ chế thẻ ba bên và bốn bên.

Báo cáo sau đó đưa ra 3 khuyến nghị chính trong Báo cáo điều tra khu vực tài chính và phản hồi về 3 khuyến nghị này, trong trường hợp chúng được Chính phủ theo đuổi, kỳ vọng sẽ tác động đến việc quản lý thanh toán điện tử và theo đó là môi trường cạnh tranh mà chúng hoạt động.

Cuối cùng, báo cáo này nhìn về tương lai và lưu ý rằng việc quản lý các hoạt động thanh toán nên thích ứng với sự phát triển của công nghệ. Tích hợp và hài hòa các quy định quản lý thanh toán tại Úc chắc chắn sẽ cải thiện ổn định trong khu vực, trong khi một cơ chế quản lý tinh gọn có thể làm gia tăng tính ổn định pháp lý cho các thành viên đương nhiệm và các thành viên tiềm năng gia nhập thị trường (nhờ đó mà kích thích tính cạnh tranh).

3. PayPal là gì

Được thành lập vào năm 1998, PayPal đã vận hành tại Úc kể từ năm 2005 và đã có khoảng 6 triệu tài khoản khách hàng đang hoạt động và trên 110.000 đối tác thương mại hiện nay.

PayPal là nhà cung cấp ví kỹ thuật số hàng đầu trên thế giới, cho phép người mua và người bán gửi và nhận thanh toán trực tuyến, bằng thiết bị di động hoặc tại cửa hàng (ở một số quốc gia). Các giao dịch này có thể được tài trợ thông qua một loạt các phương thức (như thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, tài khoản ngân hàng hoặc số dư giá trị lưu trữ tại PayPal). Tại Úc, PayPal cũng là một tổ chức nhận tiền gửi giới hạn (ADI) được quản lý bởi APRA, theo đó nó cho phép khách hàng nhận thanh toán dưới hình thức các giá trị

được lưu giữ trong tài khoản PayPal của họ sau đó có thể được tái sử dụng để thực hiện thanh toán cho các khách hàng PayPal khác hoặc có thể được rút ra thông qua tài khoản ngân hàng liên kết (theo nghĩa này nó được coi là “tương tự như tiền gửi”). Tuy nhiên, PayPal Úc không được phép thực hiện các hoạt động truyền thông liên quan đến nhận tiền gửi, chẳng hạn như tính hoặc trả lãi suất trên bất cứ số dư được lưu trữ nào của khách hàng.

PayPal là một công cụ cung cấp cho khách hàng lựa chọn cách thức tài trợ cho việc mua bán của họ một cách an toàn thông qua các phương pháp thanh toán hiện có và cho phép người bán dễ dàng chấp nhận thanh toán thông qua các phương thức khác nhau. Theo nghĩa này, PayPal nằm trên đỉnh của cơ sở hạ tầng thẻ tín dụng và ngân hàng hiện tại,¹ tổng hợp các dịch vụ tài chính riêng biệt này trong ví PayPal, và cung cấp cho khách hàng lựa chọn cách thức họ muốn thanh toán thông qua sử dụng các hệ thống thanh toán này. PayPal cung cấp một dịch vụ thanh toán thời gian thực toàn cầu cho người sử dụng. PayPal xử lý các giao dịch tận dụng cơ sở hạ tầng thanh toán do các cơ chế thẻ và hệ thống ngân hàng cung cấp.

PayPal tập trung chủ yếu vào xử lý các thanh toán giá trị thấp. Nó cung cấp cách thức thuận tiện cho người tiêu dùng để thực hiện các thanh toán và cung cấp một phương thức thay thế hữu hiệu cho các cơ chế thanh toán lâu đời. Nó vẫn là một thành viên tương đối nhỏ trong hệ sinh thái thanh toán Úc.

PayPal khởi phát như một đổi mới tạo thuận tiện cho thanh toán điện tử trực tuyến và tiếp tục tạo điều kiện dễ dàng cho người bán chấp nhận các giao dịch kỹ thuật số an toàn. Trước nhu cầu của khách hàng, PayPal hiện nay cũng hoạt động trên các kênh di động và tại chỗ; 1 trong 3 giao dịch của PayPal hiện nay diễn ra thông qua một thiết bị di động.

PayPal tuân theo các yêu cầu pháp lý đa dạng và nghiêm ngặt ở cả nội địa và quốc tế. Với mô hình kinh doanh của mình, PayPal Úc được quản lý như một Tổ chức nhận tiền gửi hạn chế và đơn vị cung cấp ví kỹ thuật số tại Úc. PayPal Úc cũng được quản lý bởi Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc (ASIC) và Trung tâm Phân tích và báo cáo giao dịch Úc (AUSTRAC), như được miêu tả dưới đây. PayPal Úc cũng tuân theo Quy tắc ứng xử trong Thanh toán điện tử của ASIC để bảo vệ người tiêu dùng khỏi các giao dịch không được cấp quyền.

¹ PayPal

3.1. Các dòng thanh toán

Đối với giao dịch Paypal thông thường, cả người mua/người gửi tiền và người bán/người nhận tiền đều cần có một ví điện tử Paypal để gửi và nhận tiền. Các giao dịch chuyển qua một cơ sở dữ liệu toàn cầu tập trung liên kết với các hệ thống ngân hàng và các chương trình thẻ. Những giao dịch như vậy được hỗ trợ bởi các hệ thống giám sát, tuân thủ và phòng chống gian lận; và yêu cầu phải tuân thủ tất cả các quy định pháp lý để phòng tránh tội phạm tài chính, như Luật phòng chống rửa tiền (AML) và Luật chống tài trợ khủng bố (CTF).

Quản lý rủi ro là dịch vụ cốt lõi và thế mạnh của Paypal. Paypal chấp nhận rủi ro với tư cách là nhà cung cấp các khoản thanh toán theo thời gian thực cho người mua và người bán. Ở Úc, thông qua mối quan hệ trực tiếp của mình với khách hàng, Paypal xử lý thanh toán theo thời gian thực trên nền tảng các cơ sở hạ tầng ngân hàng và thẻ tín dụng không hoạt động theo thời gian thực. Ngoài ra, Paypal cũng cung cấp dịch vụ trọng tài tranh chấp và bảo vệ người bán/người mua.

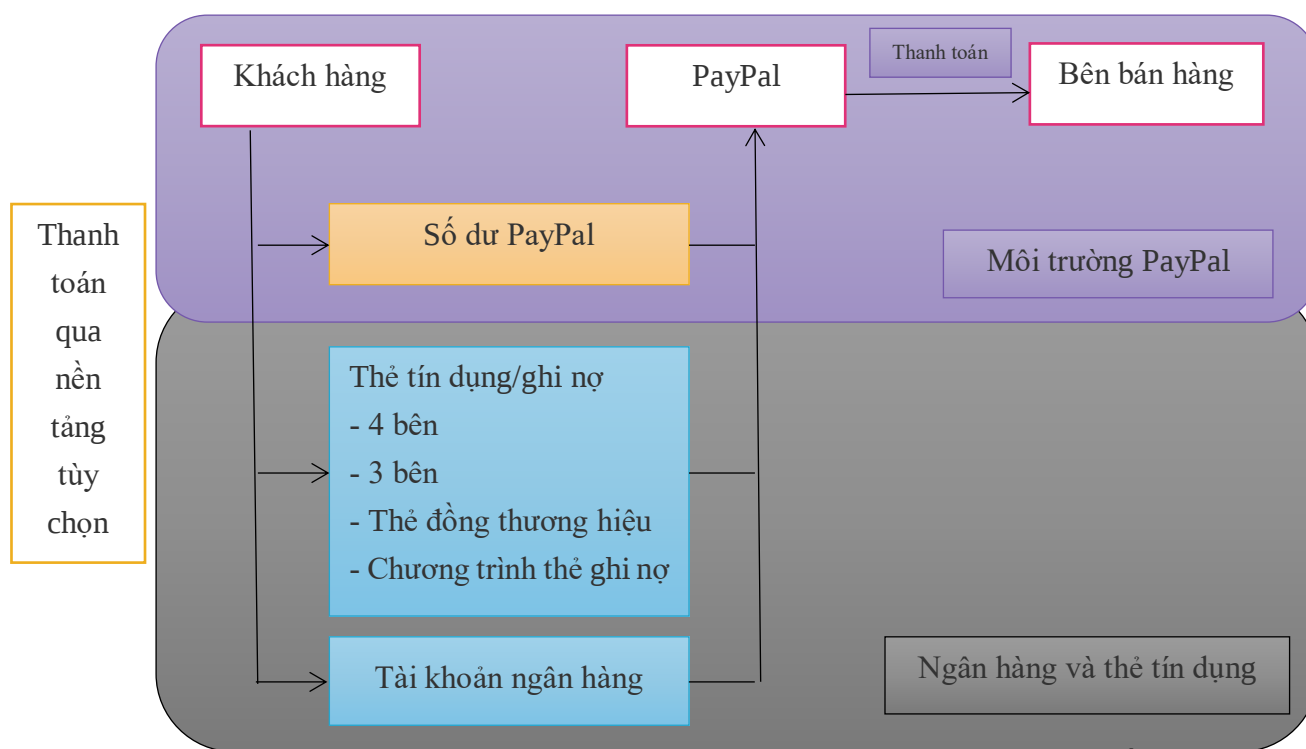
Trong các giao dịch được trả bằng thẻ tín dụng/ghi nợ hoặc tài khoản ngân hàng của người mua, Paypal xử lý khoản thanh toán cho người bán cùng lúc khi khoản thanh toán của người mua cho Paypal được xử lý. Trong trường hợp này, Paypal đóng vai trò giống như một công thanh toán hoặc ngân hàng thanh toán (ngân hàng của người bán – merchant acquirer).

Hình 3.1 cho thấy, Paypal hoạt động khác với các hệ thống thẻ tín dụng và ghi nợ. Là thị trường hai phía, tất cả các nền tảng thanh toán đều tìm cách thu hút cả khách hàng và người bán sử dụng nền tảng của họ. Đối với chương trình thẻ tín dụng và ghi nợ, điều này liên quan đến việc kết hợp các đơn vị trung gian nắm giữ quan hệ cơ bản giữa khách hàng và bên bán hàng, giữa đơn vị phát hành và đơn vị thanh toán. Các chương trình sử dụng một cơ chế trao đổi để cân bằng tính kinh tế giữa các bên này và khuyến khích hành vi từ khách hàng và bên bán hàng. Ở Úc, phát hành thẻ cao cấp với chi phí trao đổi cao hơn đã gia tăng nhằm tìm cách khuyến khích các nhà phát hành quảng bá các sản phẩm cụ thể và tăng cường việc sử dụng thẻ thông qua các phần thưởng và lợi ích nhiều hơn cho khách hàng.

Ngược lại, Paypal lại không cung cấp ưu đãi tài chính như là các phần thưởng để thu hút khách hàng hoặc thúc đẩy hành vi của người bán. Như vậy, sẽ không có nguồn tái cân bằng chi phí và lợi ích với người mua và người bán tương đương với việc tái cân bằng phí trao đổi trong các chương trình. Kết quả là, chi phí người bán liên quan trực

tiếp hơn đến chi phí xử lý các khoản thanh toán và không trợ cấp cho các khoản thanh toán khuyến khích cho khách hàng.

Hình 3.1: Môi trường PayPal



Nguồn: DAE

3.2. Tại sao khách hàng sử dụng PayPal

PayPal thường được sử dụng cho các giao dịch giá trị thấp và chủ yếu phục vụ cho các doanh nghiệp nhỏ, người bán hàng trực tuyến và người tiêu dùng cá nhân.

Việc lựa chọn các hình thức thanh toán thích hợp cho phép người mua lựa chọn cách thức chi trả cho khoản thanh toán như đã đề cập ở trên, trong khi không phải cung cấp thông tin tài chính nhạy cảm của mình. Việc này cung cấp dịch vụ tốt hơn cho người mua và người bán bao gồm:

- **Sự thuận tiện.** Người tiêu dùng chỉ phải nhập chi tiết thông tin thanh toán và giao hàng một lần trong hệ thống PayPal, giảm việc nhập dữ liệu đầu vào cho nhiều bên bán hàng khác nhau.
- **Quyền riêng tư.** Người bán không thấy chi tiết tài chính của người mua hàng, bởi vì thông tin đã được lưu trữ trong hệ thống quản lý hồ sơ của PayPal.
- **Đảm bảo.** Một hệ thống vòng lặp kín, an toàn nơi mà PayPal có thể xác định cả hai phía của khoản thanh toán, với kế hoạch bảo vệ người mua và người bán sẵn có.

- **Thanh toán theo thời gian thực.** Tài khoản PayPal của người bán được ghi có và tài khoản người mua được ghi nợ theo thời gian thực.
- **Minh bạch về phí.** Phí dành cho người bán phản ánh chính xác hơn chi phí xử lý các khoản thanh toán và không nhằm mục đích trợ cấp cho các khoản thanh toán ưu đãi cho khách hàng.
- **Quản lý rủi ro.** PayPal quản lý rủi ro giao dịch cho người mua và người bán, đây là một phần chi phí của PayPal.

Đối với các giao dịch cá nhân, người gửi khoản thanh toán thường chọn ai là người trả phí. Phí này phản ánh điều gì quyết định chi phí việc thực hiện giao dịch. Ví dụ, đối với các khoản chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng của khách hàng hoặc từ số dư PayPal giữa hai tài khoản PayPal của Úc thì sẽ được miễn phí; trong khi những khoản thanh toán được trả bằng thẻ tín dụng thì phí thường là 2,4% cộng thêm 0,3 đô la – là phí của bên thứ ba và phí mạng lưới.

PayPal cũng được những người bán không thể chấp nhận thanh toán thẻ/ngân hàng sử dụng phổ biến, ví dụ như những người kinh doanh quá nhỏ để có thiết bị thẻ dành cho người bán hàng hoặc chỉ thỉnh thoảng bán hàng hay chỉ bán hàng một lần trên eBay. Dịch vụ này cho phép việc thanh toán điện tử được thực hiện dễ dàng, liền mạch và nhanh chóng với chi phí ban đầu thấp.

Đối với tài khoản thương mại, phí dịch vụ cũng phản ánh những chi phí cơ bản. Có phí giao dịch tiêu chuẩn để bù đắp chi phí hoạt động, chi phí gian lận và chi phí tiêu tốn, nhưng phí này có thể giảm dựa trên tổng khối lượng giao dịch của một người bán để phản ánh tính kinh tế của quy mô. Tương tự, phí đối với giao dịch được thực hiện từ một tài khoản tín dụng nước ngoài sẽ cao hơn tương xứng để phản ánh các chi phí được tính bởi các chương trình thẻ.

Khám phá bí ẩn (Myth Busters) – Những hiểu lầm phổ biến về PayPal

Hoạt động và dịch vụ cung cấp bởi PayPal có thể bị hiểu lầm – một trong những số những hiểu lầm về PayPal có thể kể đến như sau:

1. PayPal cũng giống như một ngân hàng nhưng không chịu sự kiểm soát

Sự thật – Trong khi PayPal Úc không phải là một ngân hàng nhưng nó vẫn được kiểm soát bởi Cơ quan Quản lý an toàn Úc (APRA) như một đơn vị thanh toán. Sản phẩm PayPal không phải là sản phẩm đầu tư và không phải trả lãi suất đối với số dư tài khoản cho các sản phẩm PayPal.

2. PayPal là một chương trình thẻ giống như Visa, Master hoặc American Express (theo định nghĩa của Báo cáo cuối cùng của FSI, hình 11, trang 172)

Sự thật – Trong khi PayPal hoạt động như một thỏa thuận 3 bên đối với 10% giao dịch lấy từ số dư tài khoản PayPal, nó khác hoàn toàn so với các chương trình thẻ 3 hay 4 bên như Visa, Master, American Express. Chức năng của các chương trình thẻ này được thực hiện qua quan hệ gián tiếp giữa người bán hàng và khách hàng, thường được hỗ trợ bởi ngân hàng và sử dụng cơ chế trao đổi để cân bằng lợi ích và chi phí giữa các bên gồm khách hàng, người bán hàng và tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ.

PayPal có quan hệ trực tiếp với người mua (khách hàng) và người bán (bên bán hàng) và không sử dụng một cơ chế giống như phí trao đổi để cân bằng lợi ích chi phí giữa các bên tham gia.

3.3. Cách thức PayPal được quản lý

PayPal Úc – một đơn vị cung cấp ví điện tử và là một tổ chức nhận tiền gửi (ADI) hạn chế, hoạt động như một đơn vị thanh toán cho người bán dựa trên cơ sở hạ tầng ngân hàng và thẻ tín dụng của Úc, như được mô tả trong hình 3.1. PayPal phải tuân theo một loạt quy định và chịu sự quản lý của nhiều cơ quan quản lý. Điều này được mô tả trong hộp dưới đây.

PayPal Úc được APRA cấp phép là một ADI hạn chế để hoạt động kinh doanh giống như một công cụ thanh toán mua được (PPF), cung cấp dịch vụ thanh toán thường để bán hàng hóa và dịch vụ và cho các giao dịch giữa cá nhân với cá nhân. PayPal Úc cũng có Giấy phép dịch vụ tài chính Úc (AFSL) từ ASIC để cung cấp các sản phẩm thanh toán không dùng tiền mặt. Ngoài ra, PayPal Úc cũng được quản lý bởi AUSTRAC liên quan đến những báo cáo về AML và CTF.

Dựa trên loại dịch vụ cung cấp mà PayPal Úc sẽ được quản lý thích hợp trên thị trường Úc.

Việc quản lý PayPal trên thế giới

Ngân hàng Thanh toán quốc tế (BIS) tóm tắt việc quản lý PayPal ở một số quốc gia. Nhìn chung thì việc quản lý này dựa vào hoạt động của PayPal là một đơn vị cung cấp giá trị được lưu trữ hay “tiền điện tử” và sẽ không được quản lý như một ngân hàng.

Liên minh Châu Âu. Ở Châu Âu, PayPal được quản lý an toàn như một ngân hàng, nhưng không được coi là đơn vị nhận tiền gửi (do dịch vụ chính của nó là phát hành

tiền điện tử) và do đó không được bảo vệ bởi hệ thống bảo lãnh tiền gửi. Điều này thay thế cho quy định trước đây, vào giữa năm 2004 và 2007, khi PayPal Châu Âu được cấp phép là một đơn vị phát hành tiền điện tử với Cơ quan dịch vụ tài chính Anh.

Singapore. Ở Singapore, Công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân PayPal được Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS) xem như một đơn vị nắm giữ giá trị được lưu trữ, và không được coi là đơn vị nhận tiền gửi. Đơn vị lưu trữ giá trị ở Singapore được khuyến khích áp dụng các hướng dẫn do Cơ quan tiền tệ Singapore quy định và giải quyết các vấn đề về việc hoàn tiền, công bố thông tin và bảo vệ người dùng. PayPal đã thông qua các khuyến nghị của MAS.

Mỹ. PayPal được cấp phép là một đơn vị chuyển tiền trong phần lớn các tiểu bang của Mỹ và được đăng ký với Kho bạc Hoa Kỳ dưới dạng một đơn vị kinh doanh dịch vụ tiền. Tập đoàn bảo hiểm tiền gửi Liên bang Mỹ (FDIC) năm 2012 tuyên bố rằng họ không coi PayPal là một ngân hàng. Tuy nhiên, PayPal phải tuân theo luật AML/CTF và quy định bảo vệ người tiêu dùng.

Úc. PayPal Úc được coi là đơn vị cung cấp các phương tiện thanh toán mua được PPF. APRA qui định tất cả những đơn vị lưu trữ giá trị liên quan đến PPF phải là ADI, trừ khi được miễn trừ. Do đó, PayPal được điều tiết thận trọng bởi APRA và tuân thủ quy định về vốn, thanh khoản và các yêu cầu hoạt động khác. Nó cũng nắm giữ giấy phép AFSL do ASIC ban hành và phải báo cáo theo quy định của AUSTRAC.

4. Các sản phẩm thanh toán điện tử

Báo cáo cuối cùng của FSI làm rõ các mục tiêu của Khuyến nghị số 16 của mình để đảm bảo rằng quy định về hệ thống thanh toán bán lẻ:

- Duy trì sự tin tưởng vào hệ thống thanh toán;
- Được các thành viên trong lĩnh vực nắm rõ, đặc biệt là những người mới tham gia thị trường và hỗ trợ phát triển thị trường nhanh chóng;
- Giúp bảo vệ người tiêu dùng đầy đủ, và
- Mang đến tính trung lập trong việc cạnh tranh cho các PPFs.

Ngoài ra, các khuyến nghị nhấn mạnh sự cần thiết phải:

- Làm rõ quy định và tăng cường tính trung lập trong cạnh tranh giữa các nhà cung cấp hệ thống.

- Cải thiện hiệu quả và hiệu năng của các tín hiệu về giá, và giảm khả năng trợ cấp chéo giữa các nhóm khách hàng và nhóm thương gia.

Để hỗ trợ các mục tiêu này, cần thiết phải phân chia và quản lý riêng các loại hình nhà cung cấp dịch vụ thanh toán khác nhau hiện đang hoạt động trong hệ thống thanh toán bán lẻ của Úc. Như được minh họa trong Hình 10 (trang 164) của Báo cáo cuối cùng FSI, có rất nhiều nhà cung cấp dịch vụ thanh toán hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau. Với mục đích xác định một cách tiếp cận phù hợp để đạt được các mục tiêu đã mô tả ở trên, chúng tôi phân chia ba lớp trong các sản phẩm thanh toán điện tử tại Úc. Mỗi lớp bao gồm các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán có thể khác nhau về bản chất, ví dụ, các nhà cung cấp chương trình thẻ tín dụng khác với các nhà cung cấp các dịch vụ ví điện tử, khác với các loại tiền kỹ thuật số.

Ba lớp được đề xuất là:

- Các chương trình thanh toán (ví dụ như Visa, Mastercard, American Express, BPAY, eftpos, đăng nhập trực tiếp)
- Các nhà cung cấp ví kỹ thuật số (ví dụ như Paypal, MasterPass, ApplePay)
- Các nhà giao dịch tiền kỹ thuật số (ví dụ Bitcoin)

Tuy nhiên, ngoài quy định về hệ thống thanh toán, một số nhà cung cấp dịch vụ thanh toán như PayPal Úc phải tuân thủ quy định an toàn liên quan đến việc họ nắm giữ giá trị được lưu trữ đại diện cho người khác. Như đã đề cập ở trên, việc này hiện được quản lý theo chế độ PPF. Chúng tôi tin rằng chức năng là người nắm giữ giá trị được lưu trữ nên được phân tách về mặt khái niệm với chức năng thực hiện thanh toán và điều này mang lại sự minh bạch hơn cho những người có tiềm năng tham gia thị trường. Về cơ bản, điều này bổ sung thêm một lớp sản phẩm “bổ sung”:

- Những người nắm giữ giá trị được lưu trữ (ví dụ: số dư tài khoản PayPal)

Do sự khác biệt giữa các loại sản phẩm thanh toán điện tử này, mỗi loại phải tuân thủ các quy định phù hợp với tính chất cụ thể của nó. Sự chồng chéo về mặt quy định nên được giảm thiểu.

Trên thế giới thường có ba lựa chọn chính sách chủ yếu quy định mức độ quản lý đối với việc thanh toán giá trị được lưu trữ và các nhà thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt của các giá trị được lưu trữ (hay “tiền điện tử theo định nghĩa của Ủy ban Châu Âu) (nếu có thể áp dụng):

1. Bảo vệ người tiêu dùng;

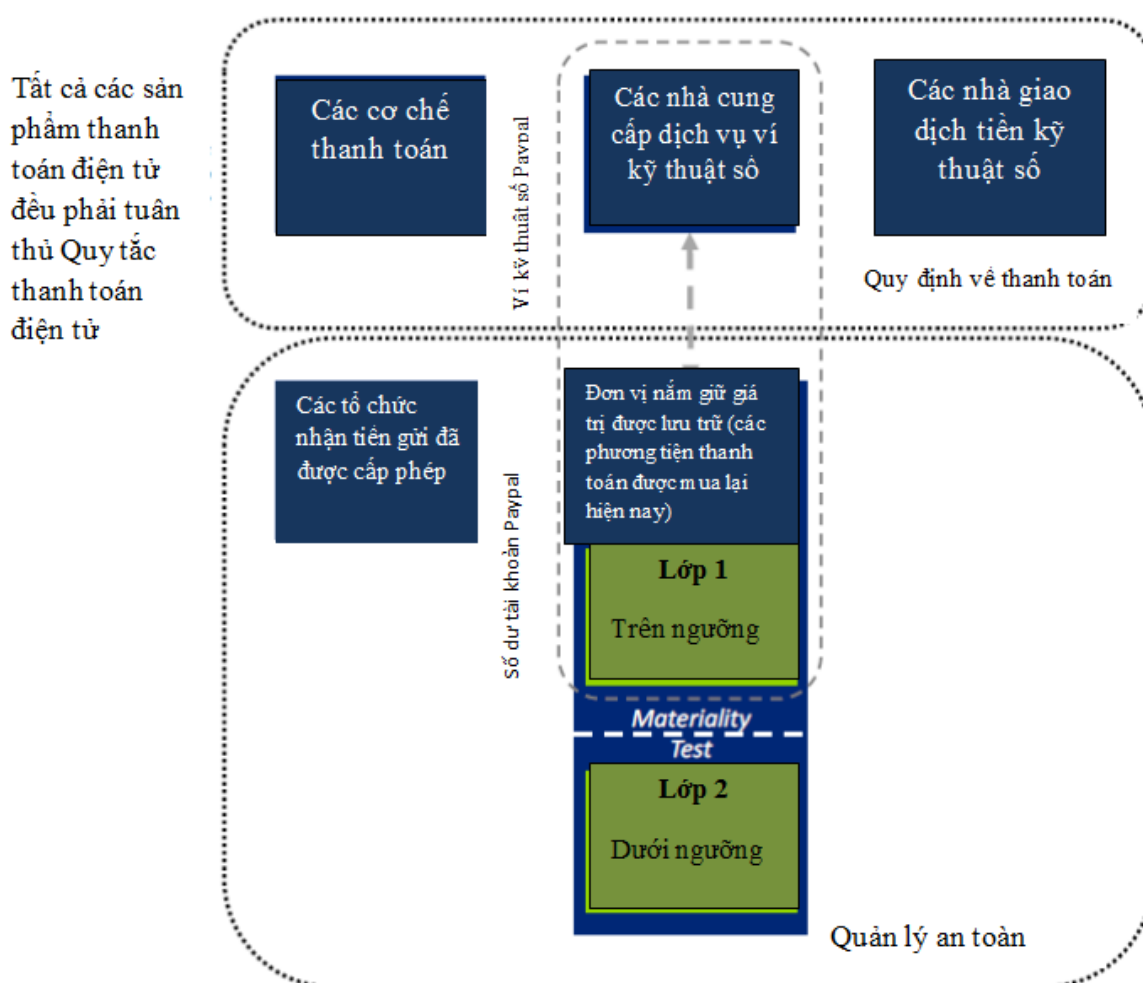
2. Bảo mật giao dịch và phòng chống tội phạm tài chính; và
3. Vấn đề giám sát thận trọng, các yêu cầu thanh khoản và yêu cầu vốn liên quan đến rủi ro.

Các mục tiêu chính sách này cần được các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán quan tâm.

Quy tắc ứng xử của ASIC ePayments là một quy tắc ngành tự nguyện được thiết kế để đảm bảo rằng người tiêu dùng được bảo vệ thích đáng trong hoạt động thanh toán. Các nhà hoạch định chính sách nên áp dụng khuyến nghị của FSI để biến quy tắc này thành bắt buộc đối với tất cả các nhà cung cấp sản phẩm thanh toán điện tử. Tương tự, các biện pháp phù hợp như “Hiểu biết về khách hàng của bạn” – KYC, AML/CTF, phòng chống gian lận và ngăn ngừa tội phạm tài chính khác cũng nên được yêu cầu đối với tất cả các nhà cung cấp dịch vụ.

Hình 4.1 đưa ra minh họa về các lớp sản phẩm thanh toán điện tử được đề xuất và các quy định thanh toán và quy định an toàn áp dụng với từng lớp.

Hình 4.1. Các lớp sản phẩm thanh toán điện tử chịu sự quản lý



Nguồn: Deloitte Access Economics

4.1. Các cơ chế thanh toán

Tại Úc có một vài nền tảng thanh toán hoạt động trong thị trường thanh toán hai mặt. Các nền tảng này bao gồm tiền mặt, thẻ chương trình, eftpos, cổng trực tiếp và BPAY. Trong đó các nền tảng liên quan đặc biệt là:

- Các cơ chế thẻ bốn bên như MasterCard và Visa; và
- Các cơ chế thẻ ba bên như American Express và Dinner Club.

Các giao dịch cơ chế thẻ 4 bên được hỗ trợ bằng các trao đổi giữa ngân hàng của doanh nghiệp (đơn vị thanh toán) và ngân hàng của chủ thẻ (đơn vị phát hành) với một khoản thanh toán được gọi là phí trao đổi. Như đã thảo luận ở trên, trong khi phí trao đổi ban đầu được sử dụng để khuyến khích các nhà phát hành tham gia các cơ chế, các khoản phí này hiện được sử dụng để khuyến khích các chủ thẻ sử dụng các nhãn hiệu cụ thể. Ngân hàng Dự trữ Úc (RBA), với tư cách là nhà quản lý hệ thống thanh toán, cảm thấy rằng những ưu đãi này đã dẫn đến việc sử dụng quá mức các thẻ một cách thiếu hiệu quả, do chủ thẻ đã nhận được các lợi ích từ thẻ nhưng không phải trả chi phí. Do đó, RBA đã quyết định điều chỉnh phí trao đổi trong năm 2004.

Các cơ chế độc quyền 3 bên truyền thống hoạt động theo một cấu trúc tương tự như các cơ chế 4 bên. Tuy nhiên, thay vì các tổ chức thanh toán và phát hành riêng biệt trong nền tảng này, cơ chế 3 bên tự nó đã trực tiếp đáp ứng cả hai vai trò trên. Gần đây, các cơ chế 3 bên đã bắt đầu phát hành thẻ thông qua quan hệ đối tác ngân hàng (thẻ đồng hành), áp dụng hiệu quả mô hình 4 bên. Các khoản thanh toán ưu đãi đã được trả cho các ngân hàng phát hành có chức năng tương tự trong vai trò cân bằng các khoản phí thanh toán thẻ trong các cơ chế 4 bên truyền thống.

Các giao dịch của các chương trình thẻ 4 bên được hỗ trợ bởi các khoản phí trao đổi, đây là điểm FSI tập trung chú ý trong Khuyến nghị 17. Nếu hệ thống thanh toán không sử dụng một cơ chế để “cân bằng” động cơ vật chất giữa các bên trong hệ thống, chẳng hạn như phí trao đổi, thì hệ thống không nên bị quản lý như một Chương trình Thanh toán.

PayPal không áp dụng phí thanh toán thẻ như là một cơ chế để “cân bằng” các động cơ của hai bên trên thị trường thanh toán. Chỉ trong những trường hợp nhất định khi mà các khoản thanh toán được thực hiện từ một tài khoản PayPal sang một tài khoản khác

(tạo thành một dịch vụ khép kín) thì PayPal mới hoạt động dưới hình thức thỏa thuận ba bên. Như được mô tả trong Hình 3.1, phần lớn các khoản thanh toán qua PayPal Úc có sự tham gia của nhiều bên ngoài môi trường PayPal. Do đó, không nên định nghĩa PayPal là một hệ thống gồm ba bên tham gia theo nghĩa tương tự như các hệ thống thẻ tính phí như American Express và Dinners Club.

4.2. Ví kỹ thuật số

Ví kỹ thuật số là một dịch vụ điện tử cho phép khách hàng lưu trữ thông tin cá nhân và các thông tin về tài chính cá nhân dưới dạng điện tử để thực hiện các giao dịch thương mại (ví dụ như mua bán các mặt hàng trực tuyến, sử dụng điện thoại thông minh hoặc mua bán tại cửa hàng).

Với sự gia tăng nhanh về số lượng của ví kỹ thuật số có sẵn trong thời gian gần đây (ví dụ như Visa, MasterCard, American Express, Apple), điều quan trọng là phải quản lý các rủi ro liên quan, như rủi ro gian lận có nguy cơ lớn. Người tiêu dùng có thể được bảo vệ tốt hơn nhờ việc mở rộng Quy tắc thanh toán điện tử để hỗ trợ những phát triển mới này, và bằng cách bắt buộc tuân thủ.

PayPal là nhà cung cấp ví kỹ thuật số và cung cấp các dịch vụ xử lý thanh toán. Là nhà cung cấp các dịch vụ xử lý thanh toán, PayPal Úc hỗ trợ việc chuyển tiền từ thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ từ khách hàng, tài khoản ngân hàng và/hoặc tài khoản PayPal cho các tài khoản của những người sử dụng PayPal khác. PayPal lưu trữ giá trị trong số dư tài khoản thay mặt cho một số người dùng của mình cho mục đích thanh toán. Với mục đích này, PayPal Úc hiện là một PPF và một nhà nắm giữ giá trị được lưu trữ theo Đạo luật Hệ thống Thanh toán (Quy định) năm 1998.

Để chương trình thanh toán minh bạch hơn, chúng tôi đề nghị nên tách chức năng hỗ trợ thanh toán qua ví điện tử và chức năng nắm giữ các giá trị được lưu trữ. Điều này cho phép hiểu rõ hơn về phạm vi quản lý giữa quy định về thanh toán và quy định về an toàn. Có thể thấy là, một nhà cung cấp ví kỹ thuật số không nắm giữ giá trị được cất trữ sẽ không phải tuân thủ bất kỳ quy định nào về an toàn.

4.2.1. Đơn vị nắm giá trị được lưu trữ

Các yêu cầu đối với một PPF và đơn vị nắm giữ giá trị được lưu trữ phải là một ADI được cấp phép (mặc dù bị giới hạn) có liên quan đến đòi hỏi đơn vị nắm giữ giá trị có đủ tài sản thanh khoản để thực hiện trách nhiệm thanh toán của mình và nắm giữ đủ vốn cần thiết tương xứng với các rủi ro trong các hoạt động của mình.

Do có mục tiêu duy trì niềm tin và sự tin tưởng trong hệ thống thanh toán rộng hơn, mọi cân nhắc về việc giảm đi các yêu cầu về an toàn đối với các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán mà nắm giữ các giá trị được lưu trữ nên được đánh giá về tính trọng yếu. Chúng tôi nhận thấy rằng mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hệ thống của bất kỳ người chơi cụ thể nào có thể là một hàm của khối lượng thanh toán, nhưng các tiêu chí khác cũng có thể phù hợp (thảo luận trong Phần 4). Khung khổ hai lớp được đề xuất trong FSI có thể phù hợp với những cân nhắc này. Mặt khác, nếu các yêu cầu về an toàn được duy trì ở tiêu chuẩn hiện tại, chúng tôi vẫn tin rằng sự tách biệt về mặt khái niệm giữa quy định an toàn và quy định về thanh toán vẫn sẽ giúp mang đến sự minh bạch cho những đơn vị có tiềm năng gia nhập thị trường.

4.3. Tiền kỹ thuật số

Đối với các loại tiền kỹ thuật số, khung khổ pháp lý của Úc hiện tại chưa rõ ràng. Rất khó để quản lý tiền kỹ thuật số một cách trực tiếp vì thường không có một đơn vị vận hành có thể được xác định rõ ràng. Tuy nhiên, ngày càng rõ ràng rằng mặc dù bản thân các loại tiền tệ có thể không được quản lý dễ dàng, nhưng các đơn vị cho phép các khách hàng giao dịch bằng các loại tiền đó và liên kết chúng với hệ sinh thái thanh toán truyền thống có thể, và nên được quản lý một cách phù hợp.

Như PayPal Úc đã nhấn mạnh trong bản đệ trình lên Ban Điều tra về Tiền kỹ thuật số:

“Điều quan trọng là phải phân biệt giữa các loại tiền kỹ thuật số với các công ty mua bán hoặc hỗ trợ giao dịch bằng tiền kỹ thuật số. Trong khi tiền tệ bản thân nó không nên bị quản lý, và các giao dịch thực hiện bởi người sử dụng cá nhân mà không có sự trợ giúp của bên trung gian thì không nên bị quản lý, các công ty cung cấp một dịch vụ tài chính cho việc chuyển giao tiền kỹ thuật số, cho việc phát hành hoặc bán tiền kỹ thuật số, hoặc để trao đổi với các loại tiền tệ khác chẳng hạn như đô la Úc, cần phải được quản lý theo cách tương tự như các quy định hiện hành đang được áp dụng cho các dịch vụ thanh toán khác.”

Bất kỳ động thái nào để quản lý tiền kỹ thuật số tại Úc đều không nên bao gồm cả các nhà cung cấp hệ thống thanh toán và cung cấp ví điện tử, đây là những đối tượng hoàn toàn khác với sản phẩm thanh toán điện tử. Tuy nhiên, bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ nào hỗ trợ các giao dịch giữa các loại tiền kỹ thuật số và tiền pháp định đều phải được bảo vệ bằng KYC, AML/CTF, quản lý gian lận, tội phạm tài chính và quản lý rủi ro và quy định an toàn để đảm bảo tính toàn vẹn của hệ thống và để bảo vệ người tiêu dùng.

4.3.1. *Mối liên quan của PayPal và tiền kỹ thuật số*

Gần đây, PayPal, thông qua chi nhánh cổng thanh toán của mình, Braintree, đã cho phép tích hợp thanh toán tiền kỹ thuật số (cụ thể là Bitcoin) tại Mỹ. Việc xử lý Bitcoin thực tế sẽ không được thực hiện bởi PayPal, mà bởi các đối tác đã được xác minh để có các chương trình tuân thủ và chương trình rủi ro phù hợp. PayPal đang làm điều này để đáp ứng nhu cầu thị trường và hỗ trợ đổi mới. Tuy nhiên, điều này không cho phép sử dụng bất kỳ loại tiền kỹ thuật số nào (bao gồm Bitcoin) trong các dịch vụ ví kỹ thuật số cốt lõi của PayPal.

Ví kỹ thuật số PayPal không phải là tiền kỹ thuật số, cũng không nắm giữ tiền kỹ thuật số và vì vậy không nên bị xem xét theo bất kỳ định nghĩa nào về những thành phần cấu thành nên một loại tiền kỹ thuật số hoặc bởi bất kỳ quy định nào áp dụng cho tiền kỹ thuật số ngoài những quy định mà PayPal hiện đang phải tuân thủ.

5 Khuyến nghị của FSI

Các khuyến nghị được nêu trong Báo cáo cuối cùng của FSI nếu được Chính phủ theo đuổi sẽ tác động đến việc quản lý PPF và bối cảnh cạnh tranh mà họ hoạt động.

Các khuyến nghị chính được FSI tập trung là Khuyến nghị 16 (quy định thanh toán rõ ràng hơn), Khuyến nghị 17 (phí trao đổi và phụ phí khách hàng) và Khuyến nghị 39 (tính trung lập về công nghệ).

5.1 Khuyến nghị 16

Khuyến nghị 16 là:

- Nhằm tăng cường sự phân bậc trong quy định quản lý thanh toán bán lẻ bằng cách làm rõ các ngưỡng để quản lý bởi ASIC và APRA; và
- Nhằm đưa ra một cơ chế an toàn riêng biệt hai lớp cho PPF.

Với khả năng gây nhầm lẫn được tạo ra bởi sự chồng chéo quy định và rào cản gia nhập đối với một số nhà cung cấp thanh toán, một khuôn khổ quản lý bậc thang tạo ra một cách tiếp cận cân xứng hơn - tương xứng giữa rủi ro với các khoản thanh toán pháp lý - là một nguyên tắc tốt. Điều này có thể sẽ làm giảm các rào cản gia nhập, do đó cải thiện sự cạnh tranh, lựa chọn và hiệu quả. Đây cũng là cơ hội để cải thiện tính trung lập cạnh tranh bằng cách hạ thấp yêu cầu thanh khoản cho các nhà cung cấp dịch vụ có khả năng chứng minh quản lý rủi ro mạnh mẽ và tuân thủ các yêu cầu thận trọng khác.

Một khung pháp lý mạnh mẽ cho PPF - hoặc ví kỹ thuật số giữ giá trị được lưu trữ - rất quan trọng để đảm bảo sự ổn định và tự tin của hệ thống thanh toán.

Khung hai cấp được đề xuất trong FSI có thể đáp ứng các cân nhắc sau:

- tầng đầu tiên, bao gồm các ví kỹ thuật số chứa giá trị được lưu trữ được đánh giá là có ý nghĩa đáng kể hơn cho sự ổn định của hệ thống (ví dụ: PayPal Australia); và
- một tầng thứ hai, bao gồm những người mới tham gia và các ví kỹ thuật số có giá trị được lưu trữ khác hiện đang nằm ngoài ranh giới được quản lý, nhưng có thể trở thành đủ thành tố quan trọng.

Về cơ bản, ví kỹ thuật số giữ giá trị được lưu trữ sẽ được bao gồm trong cả hai tầng, nhưng phải tuân theo các mức quy định khác nhau dựa trên mức độ trọng yếu của chúng. Khi các hình thức thanh toán điện tử này tiếp tục phát triển và giữ số dư người tiêu dùng lớn hơn, điều quan trọng là phải có khung pháp lý để đảm bảo bảo vệ người tiêu dùng cũng như hệ thống thanh toán rộng hơn.

Luôn có những câu hỏi cách đánh giá tính trọng yếu của ví kỹ thuật số với giá trị được lưu trữ, theo đó xác định cấp độ mà chúng sẽ rơi vào. Bối cảnh thanh toán phát triển nhanh chóng có nghĩa là đây phải là một sự cân nhắc động và liên tục, khi các PPF cụ thể gia nhập thị trường và phát triển.

Một số tiêu chí tiềm năng để đánh giá có thể bao gồm:

- sự phức tạp của người sử dụng;
- số lượng người dùng;
- tổng số tiền có rủi ro; và
- hồ sơ rủi ro của ví kỹ thuật số có nắm giữ giá trị được lưu trữ.

Việc xem xét các ngưỡng dựa trên khối lượng và/hoặc số tiền nên tính đến tiềm năng thiết kế các sản phẩm trốn tránh các yếu tố kích hoạt ngưỡng quy định. Nếu một cơ chế tăng dần chỉ quản lý người nắm giữ giá trị vượt quá một ngưỡng giá trị nhất định, thì các khuyến nghị của FSI nhằm thu hẹp cơ chế AFSL của ASIC thông qua một tiêu chí về mức độ quan trọng tương tự nên tính đến các rủi ro của các công cụ nhất định đang nằm ngoài phạm vi quản lý của cả 2 cơ chế. Điều này có thể gây lo ngại cho người tiêu dùng bán lẻ là khách hàng của các công cụ đó. Mặc dù Mã thanh toán điện tử bắt buộc sẽ là một thành phần quan trọng của khung bảo vệ người tiêu dùng, nhưng cũng

vẫn cần đến vai trò của một số nghĩa vụ AFSL, bao gồm các yêu cầu để duy trì nguồn tài chính đầy đủ.

Các nhà hoạch định chính sách nên làm rõ và xây dựng về cơ chế an toàn hai cấp được đề xuất để các nhà cung cấp dịch vụ có thể xác định mức lựa chọn tối ưu của họ. Các ngưỡng quản lý trong cơ chế này cũng cần được làm rõ để người chơi thị trường có thể xác định liệu họ có nằm trong phạm vi điều chỉnh của cơ chế hay không. Tuy nhiên, các ngưỡng chức năng dựa trên mức độ rủi ro do tính chất và phạm vi hoạt động có thể là những cách thích hợp hơn để phân tách các mức tăng dần so với ngưỡng giá trị đô la đơn giản. Một khung như vậy sẽ tìm cách cân bằng khả năng dự đoán và biến đổi bằng cách dựa trên nguyên tắc thay vì đặt ra các quy tắc mô tả có thể không thích ứng kịp thời với sự phát triển của thị trường.

5.2 Khuyến nghị 17

Khuyến nghị 17 là cải thiện quy định về phí trao đổi bằng cách làm rõ các ngưỡng khi họ áp dụng và mở rộng phạm vi các khoản phí và thanh toán mà họ áp dụng.

PayPal, với tư cách là người hỗ trợ thanh toán trực tuyến, khác với các chương trình thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ bốn bên, như đã thảo luận trước đây. PayPal không nên nằm trong nhóm thuộc diện mở rộng phạm vi áp dụng các quy định về phí trao đổi. Thay vào đó, PayPal Australia nên được quy định là nhà cung cấp ví kỹ thuật số và là đơn vị nắm giữ giá trị được lưu trữ.

Các nhà hoạch định chính sách nên làm rõ các tiêu chí sẽ xác định các nhà cung cấp ví kỹ thuật số và đơn vị nắm giữ giá trị lưu trữ nào sẽ tuân theo các quy định được đề xuất trong Báo cáo cuối cùng của FSI về phí trao đổi.

5.3 Khuyến nghị 39

Khuyến nghị 39 nhằm sửa đổi các lĩnh vực được ưu tiên trong quy định quản lý sang cơ chế trung lập về công nghệ. Nó thừa nhận rằng quy định hiện hành có thể chỉ định các cơ chế phân phối nhất định cho các sản phẩm, điều này có thể cản trở hiệu quả và đổi mới bằng cách ngăn chặn sự phát triển của các công nghệ mới. Khuyến nghị cũng đề nghị xem tính trung lập của công nghệ như là một yếu tố để xem xét trong việc phát triển bất kỳ quy định nào trong tương lai.

Công nghệ trung lập thúc đẩy đổi mới và cạnh tranh. Nó nên được đưa vào quá trình phát triển cho các quy định trong tương lai để cho phép đổi mới tiếp tục mang lại lợi ích cho hiệu quả kinh tế và người tiêu dùng ở Úc.

Tính trung lập về công nghệ sẽ cho phép các sản phẩm mới, đổi mới và công nghệ được điều chỉnh trong hệ thống thanh toán. Cơ chế quản lý nên nhận ra và tạo điều kiện cho sự thay đổi công nghệ nhanh chóng.

6 Nhìn về tương lai

Bối cảnh thanh toán đã phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây. Các công nghệ mới và nhu cầu của khách hàng đang thúc đẩy tăng trưởng và đổi mới. Điều này đặc biệt rõ ràng trong không gian thanh toán kỹ thuật số.

Khả năng sẽ có nhiều thay đổi trong tương lai. Ví dụ: Nền tảng thanh toán quốc gia tại Úc sắp được đưa ra và những người chơi và công nghệ mới (như ApplePay) đang nổi lên trên toàn cầu.

Tốc độ thay đổi không có dấu hiệu chậm lại. Tiến bộ công nghệ và mô hình kinh doanh mới sẽ tiếp tục tạo điều kiện cho việc cung cấp các dịch vụ và thanh toán điện tử đa dạng cho các thương nhân và người tiêu dùng Úc.

Không thể dự đoán những gì tương lai sẽ mang lại trong thanh toán. Các nhà quản lý cần phải nhanh nhẹn và linh hoạt để đáp ứng với những thay đổi trong môi trường thanh toán. Thiết lập các nguyên tắc cho quy định, thay vì hướng dẫn quy định, sẽ giúp đạt được điều này. Cũng đáng xem xét những công cụ hiện có có thể cần được mở rộng để hỗ trợ các phát triển mới, ví dụ: Mã thanh toán điện tử.

Một cách tiếp cận đồng đều về quy định sẽ khuyến khích sự đổi mới và cạnh tranh, cho phép những người mới và những người đương nhiệm phát triển. Bằng cách theo dõi sự phát triển và có thể phản ứng nhanh khi cần thiết, các cơ quan quản lý sẽ đảm bảo sự ổn định liên tục của hệ thống.

Tích hợp và hài hòa hóa quy định thanh toán điện tử tại Úc có khả năng cải thiện sự ổn định trong lĩnh vực thanh toán. Một chế độ điều tiết phối hợp, hợp lý làm tăng sự chắc chắn về mặt pháp lý cho những người đương nhiệm và những người tham gia thị trường tiềm năng - qua đó thúc đẩy cạnh tranh.

Giới hạn của nghiên cứu

Hạn chế sử dụng chung

Báo cáo này được nghiên cứu nhằm hỗ trợ PayPal Úc tham gia báo cáo Điều tra hệ thống tài chính. Báo cáo này không có ý định và không nên được sử dụng hoặc dựa vào bất kỳ ai khác và chúng tôi chấp nhận không có nghĩa vụ phục vụ cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác. Báo cáo đã được chuẩn bị cho mục đích hỗ trợ các nhà hoạch

định chính sách hiệu PayPal Úc là gì, không phải là gì và quy định như thế nào. Bạn không nên tham khảo hoặc sử dụng tên của chúng tôi hoặc lời khuyên cho bất kỳ mục đích nào khác.

[Trở lại đầu trang](#)

ĐỀ TÀI KHOA HỌC THÁNG 2 – 2019**Dự án: Quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử****Chủ nhiệm: ThS. Nguyễn Quang Hưng, Phó Cục trưởng, Cục Công nghệ thông tin, NHNN****Mã số: DANH.004/17****Thời gian nghiệm thu: 30/1/2019****Kết quả nghiệm thu: Giỏi****Các chủ đề nghiên cứu chính:**

- Tổng quan quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử;
- Hiện trạng quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử tại NHNN;
- Giải pháp tổng thể quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử tại NHNN và đề xuất áp dụng đối với các TCTD.

Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống quản lý lưu trữ chứng từ kế toán hiện tại, nghiên cứu các giải pháp, tiêu chuẩn quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử trên thế giới để xây dựng hệ thống quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử tại NHNN cũng như đưa ra một số khuyến nghị triển khai tại các TCTD, Dự án DANH.004/17 đã triển khai các nội dung cụ thể sau:

Chương 1 nghiên cứu các vấn đề tổng quan về quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử như cơ sở pháp lý, xu hướng phát triển công nghệ, xu hướng số hóa và lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử. Chương 1 cũng nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong việc tổ chức, quản lý, lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử nhằm rút ra các bài học cho Việt Nam. Nghiên cứu tại chương 1 cho thấy việc tổ chức, quản lý, lưu trữ tài liệu nói chung cũng như chứng từ kế toán theo phương thức điện tử là xu hướng tất yếu và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình chuyển đổi từ ngân hàng truyền thống sang ngân hàng số. Tuy nhiên, việc lưu trữ dữ liệu điện tử nói chung và chứng từ kế toán theo phương thức điện tử cần đáp ứng 03 yêu cầu trọng yếu sau: (i) Hệ thống CNTT cho phép lưu trữ lâu dài; (ii) Định dạng thông tin cho phép khai thác bất cứ khi nào và trong dài hạn; (iii) Nội dung thông tin cần đảm bảo được tính toàn vẹn, không bị sửa đổi. Nhóm nghiên cứu cũng đã phân tích chi tiết cách thức các tổ chức quốc tế ứng dụng nhằm đáp ứng các yêu cầu trọng yếu kể trên.

Chương 2 của dự án thực hiện đánh giá hiện trạng quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử tại NHNN thông qua các nội dung: Hệ thống pháp lý quy định về quản lý, lưu trữ chứng từ điện tử; Hiện trạng quản lý, lưu trữ chứng từ tại NHNN; Hiện trạng và định hướng phát triển CNTT của NHNN; Hiện trạng và định hướng xây dựng hệ thống quản lý, lưu trữ chứng từ điện tử tại NHNN. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự gia tăng/ đa dạng hóa của các hoạt động nghiệp vụ, nhu cầu truy xuất... dẫn đến sự gia tăng chứng từ kế toán khoảng từ 10-15%/năm trong giai đoạn từ 2020 trở đi, đặt ra yêu cầu thiết thực về quản lý, lưu trữ chứng từ điện tử. Phân tích hiện trạng môi trường pháp lý cho thấy còn có sự thiếu hụt, chưa đồng thuận trong các văn bản QPPL liên quan đến quản lý, lưu trữ chứng từ điện tử. Về công nghệ, theo kết quả nghiên cứu, hệ thống máy chủ, tủ đĩa, hạ tầng mạng, truyền thông... hiện nay của NHNN về cơ bản

đang đáp ứng được các yêu cầu nghiệp vụ hiện tại nhưng chưa đủ cho việc quản lý, lưu trữ chứng từ điện tử. Vấn đề an ninh bảo mật của NHNN cũng đang chú trọng nhằm đảm bảo tốt hơn tính bí mật, toàn vẹn và khả dụng của hệ thống. Trên cơ sở phân tích thực trạng, nhóm nghiên cứu đề xuất định hướng xây dựng hệ thống quản lý lưu trữ chứng từ điện tử tại NHNN gồm các nội dung về mô hình hệ thống, định dạng dữ liệu, các nhân tố đảm bảo an toàn trong lưu trữ, sử dụng và phương án tích hợp với hạ tầng kỹ thuật hiện có của NHNN.

Tại chương 3, nhóm nghiên cứu tập trung đề xuất giải pháp tổng thể quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử tại NHNN và đề xuất áp dụng đối với các TCTD. Theo đó, nhóm nghiên cứu đã chỉ rõ các văn bản cần rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, thay thế nhằm xây dựng khung pháp lý về quản lý lưu trữ chứng từ kế toán theo phương thức điện tử tại NHNN cũng như tại các NHTM. Về kỹ thuật, nhóm nghiên cứu đề xuất về mục tiêu/yêu cầu quản lý lưu trữ chứng từ điện tử tại NHNN, đề xuất giải pháp kỹ thuật, thiết kế cấu trúc hệ thống, các cấu phần chức năng, đề xuất quy trình quản lý dữ liệu điện tử, luân chuyển chứng từ, đề xuất giải pháp quản lý người sử dụng và nhóm quyền. Nhóm cũng đưa ra đề xuất về triển khai hệ thống, về tích hợp, nâng cấp phần mềm hiện có và lộ trình triển khai thực hiện./.

HỘI THẢO KHOA HỌC THÁNG 2 - 2019**1. Hội nghị triển khai nhiệm vụ ngành Ngân hàng năm 2019*****Thời gian tổ chức: 09/01/2019******Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam******Nội dung hội thảo:***

Ngày 09/01/2019, tại Hà Nội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai nhiệm vụ ngành Ngân hàng năm 2019. Hội nghị đã vinh dự được tiếp đón Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ tới dự và chỉ đạo Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Đ/c Tô Lâm - Bộ trưởng Bộ Công an; Đ/c Trần Hồng Hà – Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Đ/c Lê Thành Long - Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Đ/c Võ Văn Dũng - Phó Trưởng Ban thường trực Ban Nội chính Trung ương; Hội nghị có sự tham dự của Thống đốc Ngân hàng CHDCND Lào Sonexay Sitphaxay nhân dịp thăm Việt Nam và đại diện Lãnh đạo các Ban, Bộ, Ngành. Về phía ngành Ngân hàng có Đ/c Lê Minh Hưng, Ủy viên BCH TW Đảng, Thống đốc NHNN và các đ/c Phó Thống đốc NHNN, đại diện Đảng ủy Cơ quan NHTW, Công đoàn Ngân hàng Việt Nam, Công đoàn Cơ quan NHNN TW, Đoàn Thanh niên NHTW; Ban Lãnh đạo Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng; Thủ trưởng các đơn vị tại Trụ sở chính NHNN, đơn vị sự nghiệp; Giám đốc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, Giám đốc các đơn vị trực thuộc NHNN, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc các ngân hàng thương mại (NHTM), Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, Ngân hàng liên doanh, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính; cùng các điểm cầu tại 63 NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trên cả nước có sự tham dự của Lãnh đạo UBND tỉnh, thành phố, đại diện một số ban, ngành của địa phương.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Thống đốc NHNN Lê Minh Hưng nhấn mạnh, trên cơ sở Nghị quyết 01 của Chính phủ, NHNN đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành để điều hành chính sách tiền tệ (CSTT), tín dụng, ngân hàng linh hoạt và đồng bộ, tạo dư địa cho chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác phát huy tác dụng, góp phần trực tiếp kiểm soát lạm phát ở mức thấp, hỗ trợ tăng trưởng cao, đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội. Quốc hội, Chính phủ, các chuyên gia trong và ngoài nước và dư luận xã hội đánh giá cao những kết quả quan trọng mà ngành Ngân hàng đã đạt được trên các mặt sau đây:

Thứ nhất, kiểm soát lạm phát và neo giữ kỳ vọng lạm phát ở mức thấp. Năm 2018, lạm phát cơ bản duy trì ổn định, bình quân khoảng 1,48% (năm 2016 là 1,83%, năm 2017 là 1,41%); lạm phát bình quân được kiểm soát ở mức 3,54% phản ánh điều hành CSTT thời gian qua phù hợp với định hướng kiểm soát lạm phát;

Thứ hai, về cơ bản, điều hành CSTT đã giữ mặt bằng lãi suất khá ổn định. Trong bối cảnh nhiều yếu tố tác động mạnh khiến hầu hết các nước đều phải tăng lãi suất thì việc giữ được ổn định mặt bằng lãi suất của NHNN đã là một thành công; so với các nước Châu Á khác có trình độ phát triển tương đồng như Bangladesh (9,54%), Indonesia (11,07%), Myanmar (13%), Mông Cổ (20%) thì lãi suất Việt Nam chỉ ở mức trung bình. Đây là một nỗ lực rất lớn của hệ thống ngân hàng, vừa đảm bảo quyền lợi cho người gửi tiền bằng mức lãi suất huy động phù hợp, vừa duy trì lãi suất cho vay ở mức hợp lý, chia sẻ khó khăn với người dân và doanh nghiệp.

Thứ ba, tỷ giá biến động không lớn; Mặc dù tỷ giá trong năm qua chịu tác động mạnh của nhiều yếu tố phức tạp khó lường song NHNN đã hạn chế được những tác động này nhờ việc điều hành và thực thi CSTT chủ động, linh hoạt, từng bước theo lộ trình với truyền thông bài bản; Sự ổn định và cải thiện của các nền tảng kinh tế vĩ mô cũng góp phần ổn định giá trị đồng Việt Nam; Nguồn cung USD trên thị trường ngoại tệ duy trì ổn định; Dự trữ ngoại hối ở mức cao cho phép NHNN có thể ổn định cung-cầu ngoại tệ, bình ổn tỷ giá khi cần thiết.

“Với cách thức điều hành như vậy, có thể khẳng định chúng ta đã rất thành công trong việc giữ ổn định tỷ giá. So với nhiều đồng tiền khu vực và thế giới bị mất giá mạnh, tác động tiêu cực lên kinh tế vĩ mô các nước, thì mức tỷ giá VND/USD hiện nay là phù hợp, duy trì lòng tin đối với đồng Việt Nam”, Thống đốc Lê Minh Hưng nhấn mạnh.

Thứ tư, tín dụng tăng trưởng hợp lý đi đôi với chất lượng, hiệu quả; Tăng trưởng tín dụng đến 31/12/2018 đạt 14%; tốc độ tăng giảm dần (năm 2016 là 18,25%, 2017 là 18,24%) trong khi tốc độ tăng trưởng GDP cải thiện vững chắc, tương ứng là 6,21%; 6,8% và năm 2018 đạt 7,08%; điều này cho thấy tín dụng được sử dụng hiệu quả và được phân bổ phù hợp.

NHNN đã chỉ đạo các TCTD tập trung nguồn vốn tín dụng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực là động lực cho tăng trưởng; các lĩnh vực ưu tiên (như nông nghiệp nông thôn tăng 14,1%, chiếm tỷ trọng 23,86%); Tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát chặt chẽ.

Thống đốc chia sẻ thêm, thời gian qua, vấn đề tín dụng đen ngày càng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Nhận thức rõ trách nhiệm của mình, về phía ngành Ngân hàng cũng đã tích cực triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, đặc biệt cuối tháng 12 vừa qua, NHNN đã tổ chức Hội nghị triển khai Nghị định 116 và các giải pháp góp phần hạn chế tín dụng đen, trong đó, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp tạo điều kiện tiếp cận vốn mà ngành Ngân hàng đã và đang triển khai trong suốt thời gian qua, NHNN cũng chỉ đạo các TCTD, đặc biệt là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội có các gói tín dụng đặc thù, tập trung vào các đối tượng vay tiêu dùng ở vùng nông thôn; mở rộng, phát triển một cách hiệu quả hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô... để hạn chế việc người

dẫn tìm đến các kênh cấp vốn không chính thức.

Thứ năm, công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu được triển khai mạnh mẽ và đạt được kết quả tích cực, theo đúng lộ trình, kế hoạch, đảm bảo ổn định, an toàn, lành mạnh hoạt động của các TCTD.

Vừa qua, NHNN đã có quyết định cho phép 3 ngân hàng (VCB, VIB và OCB) được áp dụng trước thời hạn các quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, chuẩn mực Basel II phương pháp tiêu chuẩn và đang xem xét áp dụng với 5 TCTD khác, hướng tới năm 2020 sẽ có ít nhất 12-15 TCTD áp dụng thành công Basel II.

Công tác xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đã đạt được kết quả tích cực, tỷ lệ nợ xấu có xu hướng giảm, cả nợ xấu nội bảng, nợ xấu tồn đọng ở VAMC và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu.

Riêng đối với hệ thống các QTDND, thời gian qua, Ban Lãnh đạo NHNN đã chỉ đạo rất quyết liệt, trong đó tập trung vào việc xử lý các QTD yếu kém. Trên cơ sở đó, tiếp tục hoàn thiện Đề án củng cố và phát triển hệ thống QTDND đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Thứ sáu, khuôn khổ pháp lý tiền tệ và hoạt động ngân hàng đã được hoàn thiện một bước quan trọng, tạo sự đồng bộ, hiệu quả, khả thi. Trong năm vừa qua, NHNN đã ban hành theo thẩm quyền và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 51 văn bản quy phạm pháp luật với 46 Thông tư... NHNN cũng đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; đồng thời ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược. Kết quả này đã tạo hành lang pháp lý ngày càng hoàn thiện, minh bạch, tạo sự đồng bộ trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, đảm bảo sự ổn định, an toàn hệ thống.

Thứ bảy, hoạt động thanh toán, đặc biệt là thanh toán không dùng tiền mặt, tiếp tục có bước phát triển mạnh mẽ với nhiều sản phẩm, tiện ích ngân hàng mới, hiện đại được áp dụng, số lượng và giá trị thanh toán tăng trưởng mạnh.

Có thể nói lĩnh vực thanh toán đã trải qua một năm đầy sôi động trước sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ và cuộc cách mạng 4.0. Ngành Ngân hàng cũng không nằm ngoài xu hướng với phương châm lấy việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng làm trọng tâm, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 làm nhân tố quyết định; Tập trung hoàn thiện hành lang pháp lý về lĩnh vực thanh toán đảm bảo phù hợp hơn với bối cảnh số hóa và sự phát triển Fintech, gia tăng tiện ích, tăng cường an toàn bảo mật trong ngành Ngân hàng.

Thứ tám, công tác cải cách hành chính trong toàn hệ thống ngân hàng tiếp tục đạt được những kết quả tích cực với gần 100 thủ tục hành chính và 80/257 điều kiện kinh doanh được cắt giảm, đơn giản hóa. Đặc biệt, trong năm vừa qua, hệ thống ngân hàng triển khai rất quyết liệt Nghị quyết 19, Nghị quyết 35 và đạt được kết quả rất tích cực. Về phía các TCTD cũng đã cắt giảm, bãi bỏ nhiều hồ sơ, thủ tục, phí, đảm bảo quy trình

nghiệp vụ thuận tiện, nhanh gọn. Nhờ đó, NHNN đã đứng đầu bảng xếp hạng chỉ số cải cách hành chính (Par Index) các Bộ, ngành trong 3 năm liên; chỉ số “Tiếp cận tín dụng” được Ngân hàng Thế giới xếp hạng ngang với 2 nước đứng đầu trong nhóm ASEAN 4.

Tại Hội nghị, Phó Thống đốc NHNN Đào Minh Tú đã trình bày báo cáo tóm tắt về điều hành chính sách và công tác thanh tra giám sát năm 2018, định hướng giải pháp điều hành năm 2019.

Hội nghị cũng được nghe tham luận của các NHTM: Agribank, Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Sacombank, SeABank, Ngân hàng Standard Chartered...

Hội nghị cũng được nghe ý kiến phát biểu của Bộ trưởng Bộ Công An Tô Lâm trong công tác phối hợp với NHNN thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế năm 2018 theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

Tại Hội nghị, Đ/c Nguyễn Kim Anh - Phó Thống đốc NHNN, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Ngân hàng đã phát động phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ngành Ngân hàng năm 2019. Cùng với việc phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị, toàn ngành Ngân hàng phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về những giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và mục tiêu, định hướng hoạt động của ngành Ngân hàng trong năm 2019. Đồng thời, tăng cường tinh thần đoàn kết, xây dựng cơ quan, đơn vị, các tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Phó Thống đốc NHNN yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị phát động phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019 tại các đơn vị. Phong trào thi đua cần có chủ đề và nội dung thiết thực, gắn với nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của từng đơn vị và của ngành Ngân hàng.

Ghi nhận thành tích xuất sắc của các tập thể, cá nhân trong ngành Ngân hàng, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thay mặt Đảng, Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì cho nguyên Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Đồng Tiến; trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất cho tập thể Văn phòng NHNN và Vụ Pháp chế NHNN; trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì cho Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Thị Hồng; Đ/c Nguyễn Văn Thanh - Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; Đ/c Phạm Huyền Anh - Phó Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng và trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho Đ/c Nguyễn Tuấn Anh - Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán; Đ/c Đào Xuân Tuấn - Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối; Đ/c Nguyễn Ngọc Minh - Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối; Đ/c Khuất Duy Tuấn - Phó Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng; Đ/c Nguyễn Thị Thu Hương - Vụ trưởng Vụ 2, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng; Đ/c Bùi Minh Thắng - Phó Hiệu trưởng Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng.

www.sbv.gov.vn

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

ẤN PHẨM KHOA HỌC THÁNG 2 -2019**1. Quản Lý Hiệu Quả Tài Sản Công**

Nguồn: NXB Chính Trị Quốc Gia

Tác giả: Nhiều Tác Giả

Dịch giả: Vũ Anh Đức

Giới thiệu ấn phẩm:

Châu Á là một châu lục chưa bao giờ chịu khuất phục. Không có một châu Á đơn nhất về mặt giá trị, văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ hay quan trọng nhất, về chính trị. Sau Thế chiến II, việc phi thuộc địa hóa, dân chủ hóa và toàn cầu hóa thương mại tự do ảnh hưởng không đồng đều đến các quốc gia châu Á. Công nghiệp hóa và đô thị hóa phát triển nhanh chóng, đi đầu là Nhật Bản. Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc và một số quốc gia Đông Nam Á đang theo kịp ở các tốc độ và đạt được mức độ thành công khác nhau. Song, xu hướng chung đã rõ ràng. Trong khi phương Tây lao vào phục hồi sau khủng hoảng tài chính năm 2008, vượt qua các đại dương, một Thế kỷ Châu Á đang dần khởi sắc.

Một điều rõ ràng nữa là các quốc gia châu Á phải thích ứng với những thực tế mới. Khi công thức tăng trưởng của Nhật Bản là xuất khẩu sang phương Tây hiện đang bị thách thức, họ phải tìm kiếm những cỗ máy tăng trưởng mới bao gồm mở rộng thị trường và đầu tư trong khu vực, xây dựng cơ sở hạ tầng và kết nối con người. Và họ phải làm điều đó trong một môi trường xã hội và chính trị phức tạp hơn. Khi các quốc gia trở nên thịnh vượng hơn, chính phủ phải đối mặt với áp lực khi tầng lớp trung lưu ngày càng tăng khiến nhu cầu về truyền thông xã hội và thông tin di động của họ tăng theo.

Ở phạm vi quốc tế, quyền lực kinh tế đang dịch chuyển từ phương Tây sang phương Đông và yếu tố địa chính trị mới đang dần hình thành xung quanh các mối liên hệ giữa Mỹ và Trung Quốc. Trong khi mục đích của cuốn sách này không phải là đưa ra các dự báo chính xác, chúng tôi cố gắng nhận định các động cơ thúc đẩy tăng trưởng và những yếu tố làm thay đổi cuộc chơi sẽ xác định cơ chế mới của toàn cầu hướng trọng tâm vào châu Á sẽ tiến triển ra sao. Chúng tôi cố gắng phân tích các yếu tố đem đến thành công về kinh tế và chính trị tại một số quốc gia và những yếu tố gây ra thất bại tại những quốc gia khác.

Nghiên cứu chuyên sâu của chúng tôi xác định được năm xu thế lớn đặt ra những thách thức đối với châu Á trong những thập kỷ tới:

- 1) Cuộc sống sau chính sách “nới lỏng định lượng” (QE);
- 2) Công nghệ mới;
- 3) Nâng cao vị thế của cá thể và nhu cầu ngày càng tăng;
- 4) Quốc tế hóa châu Á;
- 5) Thay đổi các mô hình nhân khẩu học.

Ngoài ra, chúng tôi xác định được năm yếu tố thay đổi cuộc chơi có thể xây dựng

hoặc phá vỡ những hứa hẹn về một thế kỷ của châu Á:

- 1) Áp lực ngày càng tăng đối với các hệ thống cầm quyền;
- 2) Cuộc cách mạng khí đá phiến;
- 3) Sự dịch chuyển của thương mại toàn cầu và các dòng chảy tài chính;
- 4) Kết nối cơ sở hạ tầng;
- 5) Vốn con người và “bẫy thu nhập trung bình”.

Những yếu tố này sẽ ảnh hưởng khác nhau đến số phận của mỗi quốc gia tùy thuộc vào bối cảnh về kinh tế và chính trị cụ thể của quốc gia đó. Thông qua các nghiên cứu điển hình bàn về các yếu tố kinh tế, chính trị và công nghệ, chúng tôi hy vọng mang lại cho bạn đọc trải nghiệm độc đáo, đặc biệt là với các nhà quản lý cấp khu vực và các sinh viên sau đại học muốn tìm kiếm cơ hội việc làm tại châu Á.

Viện Chiến lược ngân hàng trân trọng giới thiệu tới bạn cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Quản Lý Hiệu Quả Tài Sản Công

Nguồn: *NXB Chính Trị Quốc Gia*

Tác giả: *Stefan Folster, Dag Detter*

Dịch giả: *VEPR*

Giới thiệu ấn phẩm:

Tài sản công là nguồn lực rất lớn và quan trọng đối với sự tăng trưởng và phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Tổng giá trị tài sản công rất lớn, xét trên phạm vi toàn thế giới, ít nhất cũng phải bằng GDP toàn cầu; và trên phạm vi quốc gia, ở hầu hết các nước, tài sản công còn lớn hơn cả nợ công. Tài sản công lớn đến như vậy song phần lớn chính phủ các quốc gia đều không nắm được những thông tin chi tiết để hiểu về quy mô tài sản công của chính mình. Nguyên nhân có thể là do những quốc gia đó không có sổ sách ghi chép toàn diện về tài sản công, thiếu những tiêu chuẩn kế toán có chất lượng hay thậm chí là chẳng bao giờ bận tâm tới việc mô tả những tài sản mà họ sở hữu và giá trị thị trường của chúng.

Phần lớn tài sản công của các quốc gia được quản lý bởi các công chức trong bộ máy nhà nước quan liêu và tồn tại dưới dạng các doanh nghiệp nhà nước khác nhau. Việc quản lý tài sản công không dựa trên quyền lợi cao nhất của người dân, điều vốn không có gì xa lạ đối với các quốc gia, nơi mà chính quyền không phải do người dân bầu ra thì giờ đây cũng không phải là hiện tượng hiếm thấy tại ngay các nước dân chủ. Thậm chí, nhiều tài sản thương mại thuộc sở hữu công vẫn bị che giấu và không có giá trị kinh tế rõ ràng đang có nguy cơ bị cất xén. Tình trạng này tác động rất tiêu cực tới các chính sách kinh tế, tới tăng trưởng GDP và chế độ dân chủ của rất nhiều quốc gia. Đã đến lúc chính phủ các quốc gia cần phải nhìn nhận một cách có trách nhiệm hơn tới tài sản công của chính quốc gia mình, đặc biệt là phải làm thế nào để có thể quản lý

hiệu quả tài sản công.

Nhằm giúp các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý, các chuyên gia kinh tế, cũng như bạn đọc quan tâm đến vấn đề tài sản công và quản lý hiệu quả tài sản công có thêm tài liệu tham khảo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách Quản lý hiệu quả tài sản công (The Public Wealth of Nations: How Management of Public Assets Can Boost or Bust Economic Growth) của các tác giả Dag Detter và Stefan Fölster do Nhà xuất bản Palgrave Macmillan ấn hành năm 2015.

Trong cuốn sách Quản lý hiệu quả tài sản công này, các tác giả tập trung phân tích tài sản công mang tính thương mại, đó là những tài sản hoặc những hoạt động tạo ra thu nhập như là các doanh nghiệp nhà nước, bất động sản,... Bằng những luận cứ vô cùng sắc sảo cùng với những ví dụ minh họa cụ thể dựa trên thực tiễn phong phú của rất nhiều quốc gia, các tác giả đã giúp chúng ta hình dung tài sản công thực sự lớn đến mức nào, quản lý tài sản công tác động như thế nào tới tăng trưởng kinh tế, tới tiến trình dân chủ của các quốc gia và làm sao để tài sản công có thể đóng góp nhiều hơn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước...

Đặc biệt, phần lớn nội dung của Quản lý hiệu quả tài sản công, cùng với sự lồng ghép khéo léo các kinh nghiệm quý báu trong quản lý tài sản công của hai quốc gia Thụy Điển và Singapore, các tác giả đã đưa ra một số biện pháp để quản lý tài sản công có hiệu quả. Các biện pháp đó có thể là tách tài sản công ra khỏi tầm tay của các chính trị gia; quản trị các doanh nghiệp nhà nước chuyên nghiệp hơn, có thể áp dụng cách quản trị giống như đối với các doanh nghiệp tư nhân; kết hợp những phương thức quản trị doanh nghiệp tư nhân tốt với những cơ chế bảo đảm được việc theo đuổi các mục tiêu xã hội của đất nước; hoặc sử dụng những nhà quản trị tài sản chuyên nghiệp, hoạt động chính trị độc lập trong các quỹ của cải quốc gia (NWFs) để tạo điều kiện cho tính minh bạch trong quản lý tài sản công...

Bên cạnh việc chỉ ra những ưu điểm của các biện pháp quản lý tài sản công, các tác giả cũng phân tích về những mặt hạn chế của những biện pháp này một cách khách quan, khoa học trong điều kiện, bối cảnh của quốc gia mà mình nghiên cứu. Các tác giả cũng cho rằng, việc thành lập các quỹ của cải quốc gia để tạo điều kiện cho tính minh bạch trong quản lý tài sản công là biện pháp hiệu quả nhất đối với nhiều quốc gia.

Đây là cuốn sách do các tác giả phương Tây viết, có nhiều nội dung tham khảo hữu ích, song có một số nội dung đề cập trong cuốn sách là quan điểm riêng của các tác giả nghiên cứu trong bối cảnh của các nước phương Tây cần được tiếp tục nghiên cứu, trao đổi thêm trong điều kiện cụ thể ở nước ta. Tôn trọng ý kiến của các tác giả và để bạn đọc rộng đường tham khảo, chúng tôi cố gắng giữ tinh thần của nguyên bản và khẳng định những ý kiến đó không phản ánh quan điểm của Nhà xuất bản.

Viện Chiến lược ngân hàng trân trọng giới thiệu tới bạn cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)